

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
NĂM THỨ 67

TÌM HIỂU BÀI KINH

NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ
BỬU CÁO

THIỆN NGỘ

LỜI DẪN NHẬP

KINH KỆ là một hình thức của Tôn giáo, của tín ngưỡng nên việc tụng đọc những lời vàng ngọc ấy có tác động đến tâm-giới khó lường. Có thể không đòi hỏi người tụng kinh phải tường hãn các lý mâu nhiệm nơi những âm thanh được phát ra mà trong lúc phát ra những âm thanh ấy với lòng tín thành sẽ tạo được sự giao cảm thiêng liêng qua những linh ứng. Hơn nữa, việc tụng kinh còn biểu hiện lòng tín sợ quyền năng **THƯỢNG ĐẾ** và các Đấng Thiêng Liêng hằng tại mà giữ mình trong sạch thánh-hoá phàm thân.

Ở một phương diện khác, với một bài kinh có chữ, có câu, ta có thể tìm phăng phần nào trong muôn một cái lý mâu nhiệm ẩn vi.

Tuy nhiên, là một tín đồ **CAO ĐÀI**, những biến động của tư tưởng phải được bắt nguồn nơi kinh kệ, Thánh Ngôn. Quá trình tìm hiểu chẳng qua là quá trình trau dồi trí giác.

Mong rằng, phần tìm hiểu này có chút ý nghĩa hầu góp vào sự nhận thức chung.

Lập-Thu, Nhâm Tuất (1982)

Thiện Ngộ

LỜI GIỚI THIỆU

“**NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ Bửu Cáo**” là lời cáo do Đức Quan Thánh Đế Quân và Phù Hựu Đế Quân (Lữ Tổ Đại Tiên) giáng bút ở Trung Quốc vào đời Vua Quang Tự, ngày mùng 01 tháng 09 năm Tân Mão nhằm ngày thứ bảy 03/10/1891. (Vĩnh Mạng Kinh)

Bài Bửu Cáo này được truyền đến Việt Nam và khi Đạo CAO ĐÀI xuất hiện, trở thành một trong các bài kinh nhật tụng của tín đồ CAO ĐÀI.

Nhận thấy đó là một bài kinh căn bản, là một tín đồ ta không thể không đặt vấn đề tìm hiểu.

Sau đây lần lượt là bài ghi âm quốc ngữ và bài thích nghĩa được trình bày dưới hình thức có đánh số thứ tự ở mỗi câu.

Toàn bài gồm 12 câu, mỗi câu gồm hai vế ứng đối nhau được trình bày làm hai hàng chỉ trừ câu cuối.

Thiện Ngộ

NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ BỬU CÁO

1. Đại La Thiên Đế
Thái Cực Thánh Hoàng
2. Hóa dục quần sanh
Thống ngự vạn vật
3. Diệu diệu Huỳnh Kim Khuyết
Nguy nguy Bạch Ngọc Kinh
4. Nhược thiết nhược hư, bất ngôn nhi mặc tuyên đại hoá
Thị không thị sắc, vô vi nhi dịch sử quần linh
5. Thời thừa Lục Long, du hành bất tức
Khí phân Tứ Tượng, Oát triển vô biên
6. Càn kiện cao minh, vạn loại thiện ác tất kiến
Huyền phạm quảng đại, nhứt toán họa phước lập phân
7. Thượng chương Tam Thập Lục Thiên, Tam Thiên Thế Giới
Hạ ốc Thất Thập Nhị Địa, Tứ Đại Bộ Châu
8. Tiên-Thiên Hậu-Thiên Tịnh Dục Đại Từ Phụ
Cổ ngưỡng kim ngưỡng, Phổ Tế Tổng Pháp Tông
9. Nãi Nhật, Nguyệt, Tinh Thần Chi Quân
Vi Thánh Thần Tiên Phật chi chủ
10. Trạm tịch chơn đạo
Khôi mịch tôn nghiêm
11. Biến hoá vô cùng, lũ truyền bửu kinh dĩ giác thế
Linh oai mặc trắc, thường thi Thần giáo dĩ lợi sanh
12. Hồng oai Hồng từ, vô cực vô thượng

Đại Thánh đại nguyện, đại tạo, đại bi.

HUYỀN KHUNG CAO THƯỢNG ĐẾ NGỌC HOÀNG,
(tích phước hựu tội) ĐẠI THIÊN TÔN.

* * *

NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ BỬU CÁO

(Thích nghĩa)

- 1- Vị Đại La Thiên Đế
Ngôi Thái Cực Thánh Hoàng
- 2- Hóa dục quần sanh
Gồm hay cùng muôn vật
- 3- Điện Khuyết vàng ròng rỡ rỡ
Kính Đô ngọc trắng lầu lầu
- 4- Dường thiệt, dường hư, chẳng nói mà thâm ra đại
hoá; ấy không ấy sắc, không làm mà sai cắt quần linh.
- 5- Thời thừa Lục Long trải đi chẳng nghỉ
Khí phân Tứ Tượng xoay trở không cùng
- 6- Ngôi Càn kiện Cao minh, lành với dữ muôn loài
điều rõ đồ huyền phạm rộng lớn, họa hay phúc một số chia
rành.
- 7- Trên chưởng quản ba mươi sáu Trời, ba ngàn Thế
Giới dưới cầm quyền bảy mươi hai đất, bốn Đại Bộ Châu.
- 8- Gồm cả Tiên-Thiên góp cả Hậu-Thiên, gọi là Tịnh
Dục Đại Từ Phụ; xưa chiêm ngưỡng nay chiêm ngưỡng,
kêu rằng Phổ Tế Tổng Pháp Tông.
- 9- Làm vua các Nhật, Nguyệt, Tinh, Thần
Làm chúa các Thánh, Thần, Tiên, Phật
- 10- Chơn đạo cao xa
Tôn nghiêm rộng lớn
- 11- Biến hoá không cùng, hăng xuống Bửu Kinh giác
thể oai linh chi tiết, thường đem Thần giáo lợi sanh.

12- Hồng oai Hồng từ, vô cực vô thượng
Đại Thánh đại nguyên, đại tạo, đại bi.

HUYỀN KHUNG CAO THƯỢNG ĐẾ NGỌC
HOÀNG,(tích phước hựu tội) ĐẠI THIÊN TÔN.

TÌM HIỂU BÀI KINH

Đọc bài kinh thích nghĩa ta có thể hiểu qua dù ít hay nhiều, ở hình thức khi để ý nhận xét, ta thấy rõ với mỗi câu gồm có 2 vế đối đãi nhau, chỉ riêng câu cuối (câu thứ 12) được trình bày làm hai hàng như sau :

- HÔNG oai HÔNG từ, VÔ cực VÔ Thượng
- ĐẠI Thánh ĐẠI nguyện, ĐẠI tạo, ĐẠI bi.
- HUYỀN KHUNG CAO THƯỢNG ĐẾ NGỌC HOÀNG, (tích phước hựu tội) ĐẠI THIÊN TÔN

Hàng thứ nhất có hai chữ “HÔNG” và hai chữ “VÔ” còn biểu hiện sự đối đãi như là hai vế của một câu, đến hàng thứ hai, hai chữ “HÔNG” và hai chữ “VÔ” được kết hợp thống nhất bằng bốn chữ “ĐẠI” rồi kết thúc cả bài kinh ở hàng thứ ba 10 chữ là Tôn danh của Vị Đại La, ngôi Thái Cực thường được viết tắt là: NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ.

Đi vào nội dung ta gặp phải những danh từ xuất xứ từ ở kinh dịch như: Thái Cực, Lục Long, Tứ Tượng... mà ta phải biết qua những ý niệm ấy, khái quát như sau:

Bắt đầu từ khí Hư Vô xuất sanh ra Thái Cực

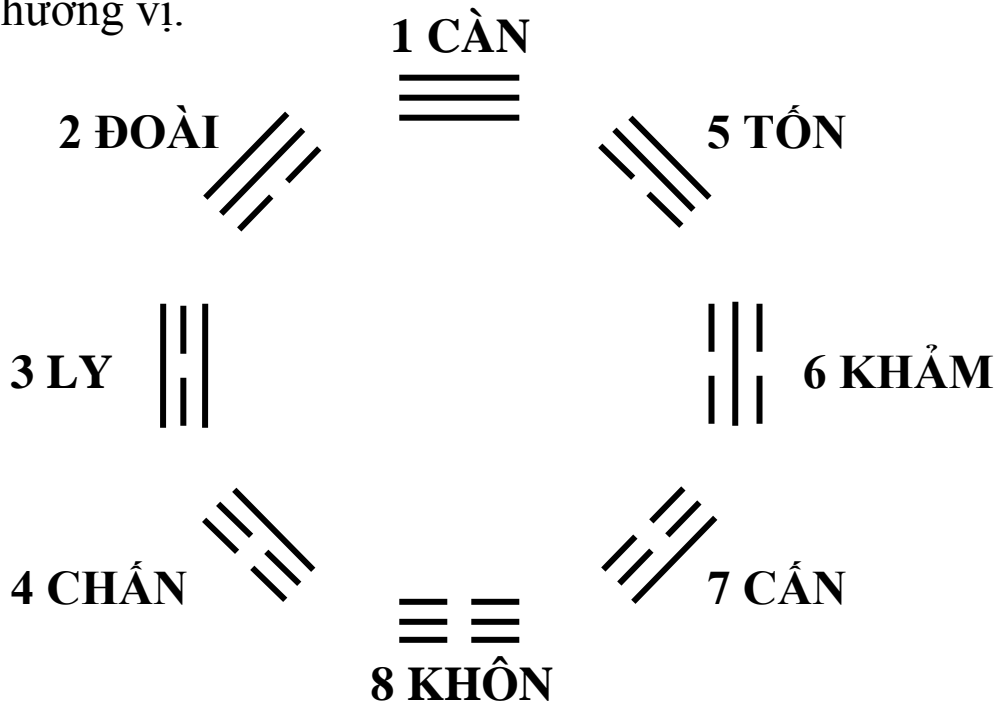
Thái cực mới sinh ra Lưỡng Nghi là: ÂM NGHI và DƯƠNG NGHI

Lưỡng Nghi Phân ra Tứ Tượng là: Thái Dương, Thiếu Âm, Thiếu Dương và Thái Âm

Tứ Tượng mới phân ra Bát Quái có tên là: CÀN, ĐOÀI, LY, CHẤN , TỐN, KHẢM, CẤN, KHÔN.

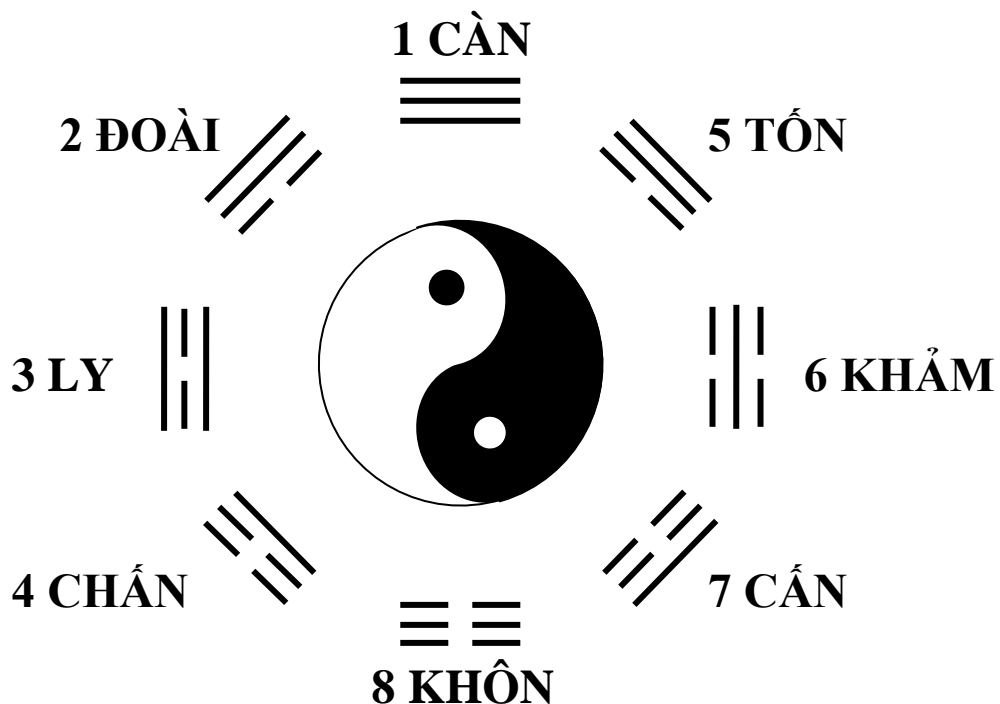
Phục Hy đã dùng gạch liền gọi là **Hào Dương** ———— , gạch đứt là **Hào Âm** — — . Ông kết hợp mỗi 3 gạch (ba hào) với nhau để tạo thành Bát Quái. (2x2x2=8) rồi sắp trên một

vòng tròn với phương vị như sau, được gọi là Phục Hy Bát Quái phương vị.

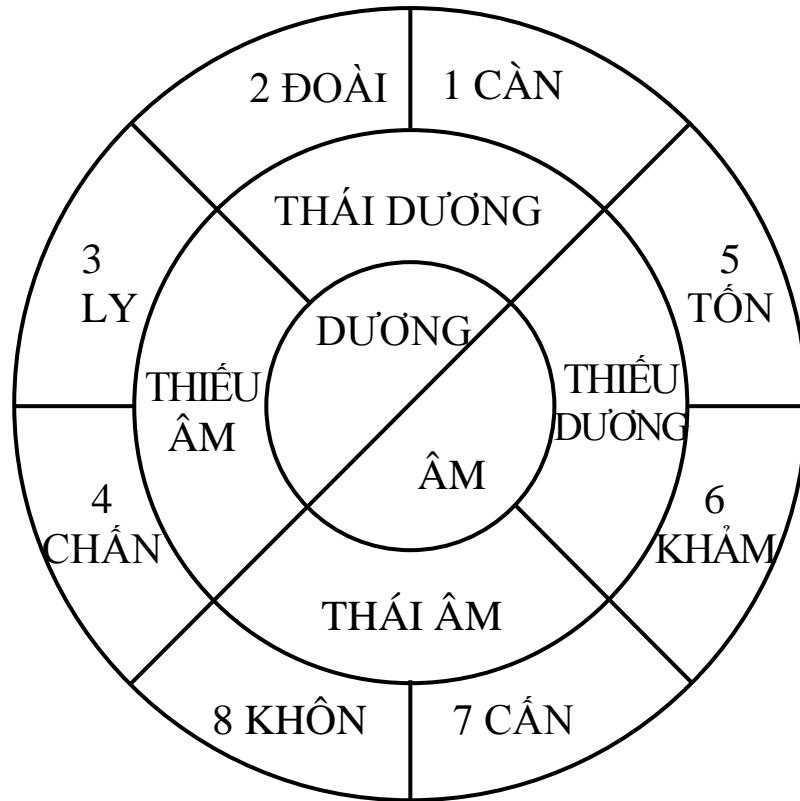


Đặt vào giữa “Phục Hy” Bát Quái phương vị, một vòng tròn làm Thái Cực, có đường phân ra Âm Dương, rồi trong phần Dương có điểm Âm, trong phần Âm có điểm Dương, cho đủ 4 Tượng. Ta có :

“BÁT QUÁI Toàn Đồ”



Ta có thể hình dung quá trình ấy như sau :



Khi đã có 8 quái, Phục Hy mới dùng phép ghép quái, nghĩa là mỗi quái sẽ ghép với chính nó và bảy quái kia tạo thành 8 quái kép. Như vậy với 8 quái sẽ có tất cả là 64 quái kép.

Thí dụ: Quái kép gồm hai quái CÀN ghép lại được đặt tên là Bát Thuần Càn, có 6 Hào Dương, tượng về thể Trời, tính cương kiện.

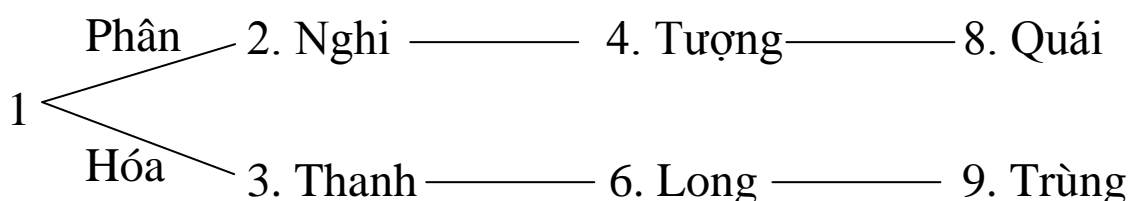


- 6 Hào Dương của Bát Thuần Càn, trong phần soạn truyện của Đức Khổng Tử gọi là Lục Long, nghĩa là 6 con rồng để hình dung sự biến hoá bất trắc của TRỜI.

- Bây giờ ta cũng có thể đi vào câu:

“*Thời thừa Lục Long du hành bất tức
Khí phân Tứ Tượng oát triển vô biên.*”

Hình ảnh Lục Long và Tứ Tượng được xây dựng trên 2 diễn trình khác nhau từ một khởi thủy.



Ta thấy rõ hai diễn trình của một vũ trụ. Điều này buộc ta phải tìm hiểu sự kết hợp giữa thời và khí, giữa không gian và thời gian. Sự kết hợp đó không có chi khác hơn là sự kết hợp hai con số cuối của 2 diễn trình trên là số 8 và số 9 .

Đức Hộ Pháp PHẠM CÔNG TẮC có ghi lại sự kết hợp đó trong “*Tam Thập Lục Thiên ký bút*” bằng một câu sau đây mà ta sẽ lấy nó làm tiền đề cho những tìm hiểu.

“**BÁT QUÁI ĐÒ XOAY ĐỦ CHÍN VÒNG**”

Chính hai con số 8 và 9 đã trở nên 2 Đài trong Thánh Thể gồm 4 Đài của Đức CHÍ TÔN “Bát Quái Đài, Cửu Trùng Đài, Hiệp Thiên Đài và Thông Thiên Đài”.

Với tiền đề trên, ta đi tìm nguyên lai của bốn số:

36 3000 72 4 trong câu:

“*Thượng chương Tam Thập Lục Thiên, Tam Thiên
Thế Giới Hạ Ốc Thất Thập Nhị Địa , Tứ Đại Bộ Châu*”

Nhận thấy ngay rằng, với “*Bát Quái Toàn Đồ*” có 4 tượng ở trong và 8 quái ở ngoài khi xoay đủ 9 vòng thì sự xuất hiện giản đơn là:

4 tượng x 9 vòng = 36 Thiên



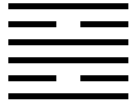



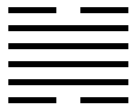

8 Quái x 9 vòng = 72 Địa

Vì Tượng Nghĩa là chưa có hình nên số kết quả được gọi là 36 Thiên, ngược lại quái là hình đã biểu hiện nên số kết quả được gọi là 72 Địa.

Ở thời điểm Bát Quái Đồ xoay đủ 9 vòng là ở hiện tại, ta còn phải lưu tâm đến hai thời điểm :

- Một là vừa đủ 8 vòng, thuộc quá khứ.
- Hai là vừa đủ 10 vòng, thuộc tương lai.

Trước hết, lúc vừa đủ 8 vòng thì Bát Quái trở nên : 8 quái x 8 vòng = 64 hiện tượng được ghi bằng 64 quái kép. Trong 64 quái kép ấy có 8 quái kép có tâm đối xứng được gọi là 8 Trùng quái.

			
Bát Thuần Càn	Bát Thuần Khôn	Bát Thuần Ly	Bát Thuần Khảm
			
Trung Phu (Phong Trạch Trung Phu)	Di (Sơn Lôi Di)	Đại Quá (Trạch Phong Đại Quá)	Tiểu Quá (Lôi Sơn Tiểu Quá)

- 8 trùng quái tạo nên sự biến hoá. 8 trùng quái gồm 48 hào, 48 hào này được coi như được tự do và tác động trở lại trên 64 quái kép ở vòng thứ 9 như là 64 quái kép được xoay 48 vòng tạo thành một số lượng hữu hình:

- 64 quái kép x 48 vòng = 3072 số lượng hữu hình.

Trong số lượng hữu hình bao gồm kết quả của 8 quái đơn đã trình bày ở trên là 72 Địa. Như vậy chỉ còn lại 3000 số lượng hữu hình.

3000 số lượng hữu hình này được gọi là 3000 Thế giới phải được chứa trong 36 Thiên.

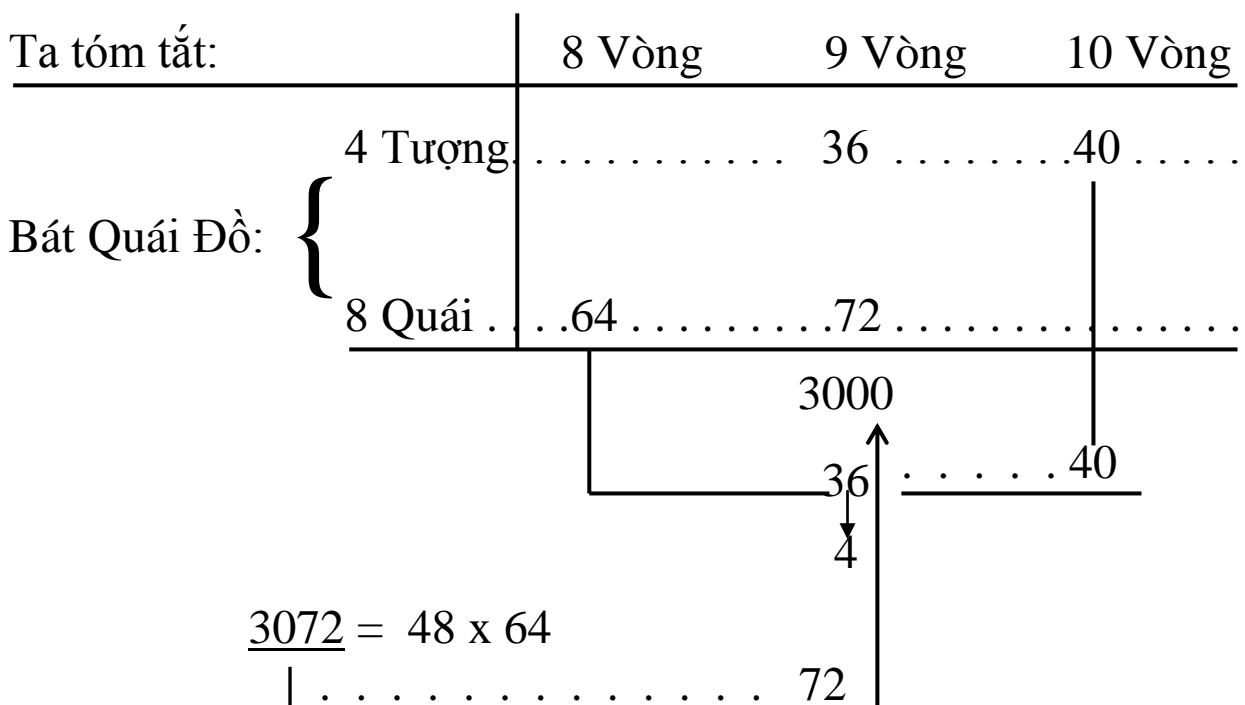
Tiếp đến lúc sẽ đủ 10 vòng thì 4 Tượng sẽ trở nên :

4 Tượng x 10 vòng = 40 số lượng vô hình.

Trong số lượng vô hình này sẽ bao gồm kết quả ở hiện tại là 36 Thiên. Như vậy còn 4 số lượng vô hình phải hàm tàng với 72 Địa và được gọi là 4 Đại Bộ Châu.

Có thấy được sự xuất hiện của 8 Trùng quái mới thấy được sự tồn tại của 3000 Thế giới và 4 Đại Bộ Châu cùng với 36 Thiên và 72 Địa mới hiểu được ý nghĩa ngay ở tên gọi của 2 Đài:

BÁT QUÁI ĐÀI và CỬU TRÙNG ĐÀI.



Bây giờ theo đúng nguyên tắc luận lý, ta phải liệt kê ra tất cả các tên gọi , 36 tên cho 36 Thiên , 72 tên cho 72 Địa , 3000 tên cho 3000 Thế giới và 4 tên cho 4 Đại Bộ Châu .

Tổng cộng có : 3112 tên

Chẳng hạn như: Địa thứ 72, Địa thứ 71... Địa thứ 68, Địa thứ 67... và Địa thứ 1.

Thiên thứ 1, Thiên thứ 2 , ... Thiên thứ 8 , Thiên thứ 9 ... và Thiên thứ 36 .

Đại Bộ Châu Thứ 4, Đại Bộ Châu Thứ 3, Đại Bộ Châu Thứ 2, Đại Bộ Châu Thứ 1.

Thế giới thứ 1, Thế giới thứ 2, ... và Thế giới thứ 3000 (có thể xem lại các tên ấy trong bảng **Phong Thần**).

Nhưng ta phải lưu ý và xét lại sự đối ứng của câu kinh :

- Thượng Chương 36 Thiên, 3 Thiên (ngàn) Thế Giới.
- Hạ ớc 72 Địa, 4 Đại (lớn) Bộ Châu.

Ta thấy rằng chữ THIÊN (ngàn) ứng với ĐẠI (lớn) sự đối ứng ấy hàm chứa ý nghĩa là :

- Bá (trăm) ứng với TRUNG
- THẬP (mười) ứng với TIỂU (nhỏ).

Cho nên, nếu có 4 tên cho 4 Đại Bộ Châu thì theo sự đối ứng chỉ cần 3 tên cho 3000 Thế Giới thay vì 3000 tên. Phép đặt tên như vậy thì mỗi tên là tập hợp một số Thế Giới nào đó.

Sau đây là các tên đã đặt :

- Nam Thiện Bộ Châu (Diêm Phù Đề)
- Đông Thắng Thần Châu (Phát Bà Đề)
- Bắc Cu Lư Châu (Uất Đan Việt)

và Tây Ngưu Hoá Châu (Cù Và Ni)

- Đại Thiên Thế Giới

- Trung Thiên Thế Giới
- Tiểu Thiên Thế Giới

Ta lưu ý chữ “Thiên” theo sau các chữ “Đại”, “Trung”, “Tiểu” có nghĩa là “TRỜI”.

Ta cũng nên lưu ý rằng việc đặt tên 4 Đại Bộ Châu xuất xứ từ giáo lý nhà Phật ở Ấn Độ. Đại khái :

Có một ngọn núi là núi Tu Di, bốn phía núi ấy chia làm 4 Châu Thiên hạ (Bốn Châu dưới Trời)

- Phía Bắc là Châu Uất Đan Việt (Bắc Cu Lư Châu)
- Nam Thiên Bộ Châu (Diêm Phù Đề)
- Đông Thắng Thần Châu (Phát Bà Đề)
- Phía Đông là Châu Phát Bà Đề (Đông Thắng Thần Châu)

Đến đây ta hãy đọc một đoạn Thánh ngôn được trích trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển : ngày rằm tháng 11 năm Bính Dần (ngày Chúa nhật 19.12.1926)

“NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ VIẾT CAO ĐÀI”

Giáo Đạo Nam Phương

Các con nghe :

Một sự các con chưa hề biết đến đặng hiểu ĐẠO là quý trọng đường nào, lo tu tâm dưỡng tánh.

Các con đã sanh ra tại Thế này, chịu khổ não tại Thế này, rồi chết cũng tại Thế này. THẦY hỏi:

Các con chết rồi các con như thế nào ? Các con đi về đâu ? Chẳng một đũa hiểu đặng cơ mầu nhiệm ấy.

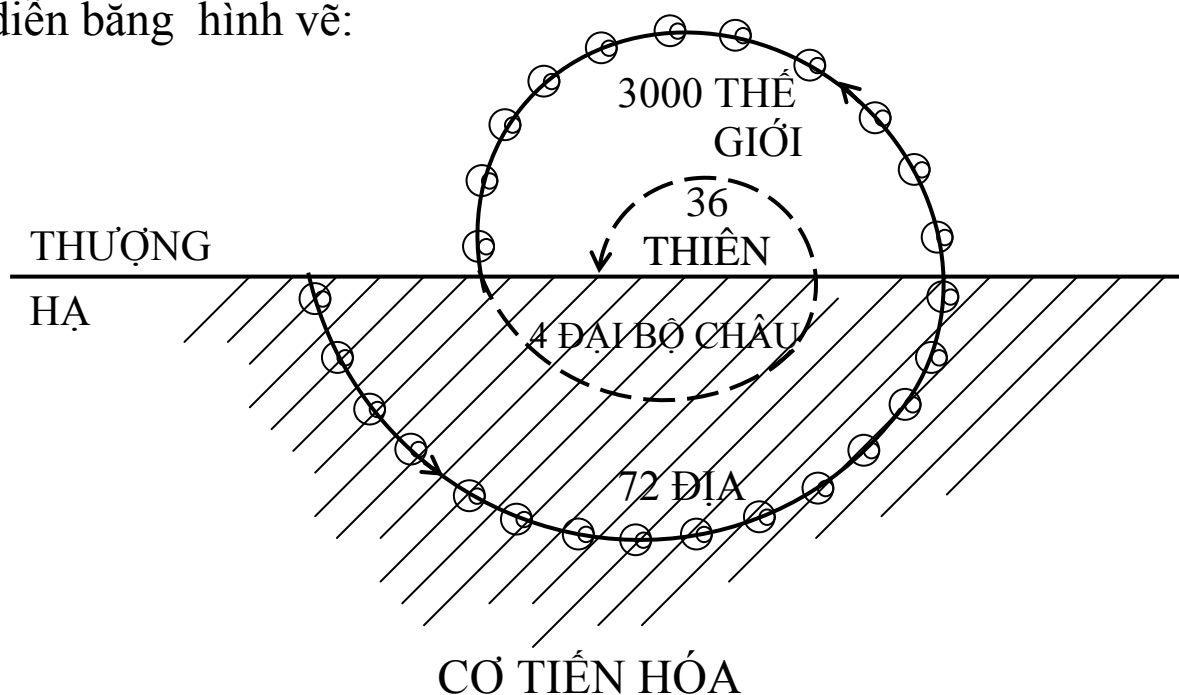
THẦY DẠY : Cả kiếp luân hồi thay đổi từ trong vật chất mà ra Thảo mộc, từ Thảo mộc đến Thú cầm. Loài người phải

chịu chuyển kiếp ngàn ngàn muôn muôn lần mới đến địa vị nhân phẩm.

Nhân phẩm nơi Thế này còn chia ra phẩm giá mỗi hạng. Đứng bậc Đế Vương nơi quả Địa Cầu này, chưa đặt vào bậc chót của Địa Cầu 67. Trong Địa Cầu 67 nhân loại cũng phân ra đẳng cấp đường ấy. Cái quý trọng của quả Địa Cầu càng tăng thêm hoài cho đến đệ nhất Cầu. Tam Thiên Thế giới, qua khỏi Tam Thiên Thế giới đến Tứ Đại Bộ Châu, qua Tứ Đại Bộ Châu mới đặt vào Tam Thập Lục Thiên, vào Tam Thập Lục Thiên rồi phải chuyển kiếp tu hành nữa mới đặt lên đến Bạch Ngọc Kinh, là nơi Đạo Phật gọi là Niết Bàn vậy”.

Như trên Thầy đã dạy cho chúng ta biết rằng, sự tiến hoá khởi đi từ nơi vật chất, nên phải trải hết **CÁI VÒNG HỮU HÌNH** gồm 72 Địa và 3000 Thế giới rồi mới bước sang **VÒNG VÔ HÌNH** gồm 4 Đại bộ Châu và 36 Thiên. Ấy vậy còn phải chuyển kiếp tu hành lần nữa mới đến Bạch Ngọc Kinh (Niết Bàn).

Ta hình dung cơ tiến hoá bằng một đường xoắn ốc gồm hai vòng HỮU và VÔ nối tiếp nhau từ biên khu đi vào tâm điểm và cùng sự phân chia Thượng, Hạ theo câu kinh, ta biểu diễn bằng hình vẽ:



Đường ranh phân ra Thượng, Hạ là ranh phân Trời, Đất, Trời ở trên, Đất ở dưới, từ chỗ đứng của con người, ta sẽ tìm hiểu từng phần.

- PHẦN HẠ : Gồm 72 Địa và 4 Đại Bộ Châu, một hữu hình, một vô hình hợp thành.

Ta lấy 72 Địa chia cho 4 Đại Bộ Châu, mỗi Bộ châu sẽ liên kết với 18 Địa ($72 : 4 = 18$).

4 Đại Bộ Châu ấy dẫn xuất từ 4 Tượng mà có nên có sự giả tượng hợp nhất ở Trung ương. Ấy là Tứ đại giả hợp.

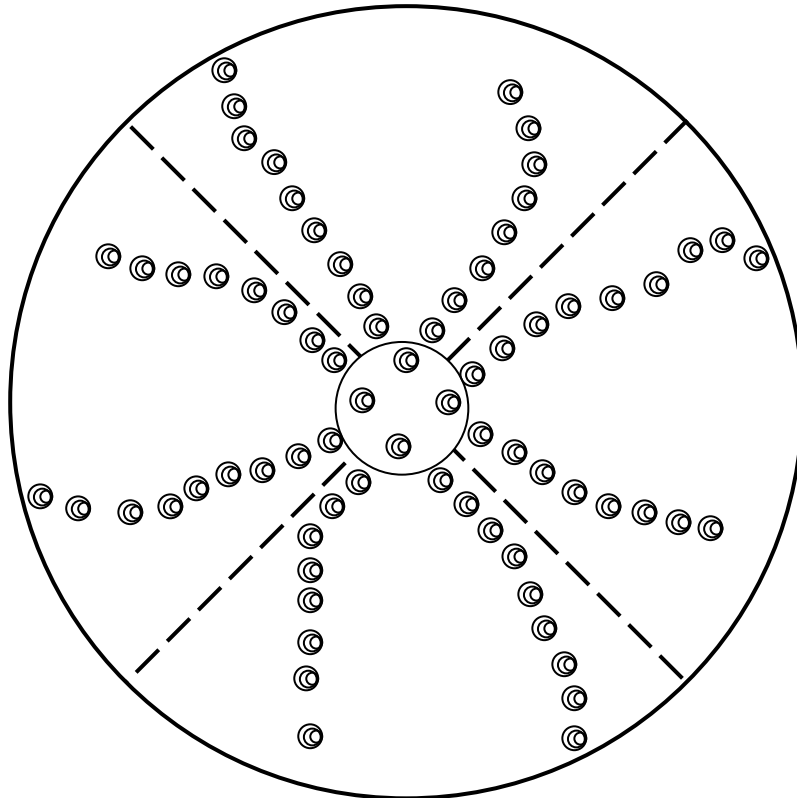
Sự giả hợp ấy biểu lộ thành sự kết hợp của 4 Địa hữu hình làm một ở giữa, ấy là TỨ ĐỊA KẾT HÌNH thành một nhân bên trong và 68 Địa còn lại bao ở ngoài làm thành một Địa cầu hay Địa Hoàn là quả đất tròn của chúng ta, cho nên đọc Thánh ngôn ta thấy THẦY gọi Địa cầu chúng ta là Địa cầu 68, số 68 có ý nghĩa như thế, nó chỉ sự hình thành của Quả Đất trong không gian.

Về mặt hữu hình có 72 Địa mà tóm lại chỉ có một Địa Cầu còn mặt vô hình có 4 ĐẠI BỘ CHÂU, nhưng cũng chỉ một BỘ CHÂU thôi. Ấy là Nam Thiệu Bộ Châu, nếu không như vậy thì tại sao không gọi là Bắc Cu Bộ Châu, Đông Thắng Bộ Châu, Tây Ngu Bộ Châu và Nam Thiệu Bộ Châu cho đủ 4 Bộ Châu mà gọi khác là Lư Châu, Thần Châu, Hoá Châu. Điều được thấy rõ qua những câu sau đây trong bài kinh **“Xung tụng công đức Thần, Thánh, Tiên, Phật :**

*“Lòng sở vọng lâm râm tụng niệm
Xin giải nạn Nam Thiệu Bộ Châu
Chúng sanh cảm đức cao sâu
Rèn lòng sửa nét lo âu làm lành”*

Nam Thiên Bộ Châu (Châu Diêm Phù Đề) hay còn gọi là cõi Diêm Phù là cõi phần Hồn của chúng sanh, chịu phải tai nạn, đày đọa, cảm thấy khổ sở não phiền.

72 ĐỊA – 4 ĐẠI BỘ CHÂU
(Tứ đại giả hợp, Tứ địa kết hình)
ĐỊA CẦU 68



Một thắc mắc được đặt ra là lý do nào cái Bộ Châu DUY NHẤT ấy lại là DIÊM PHÙ ĐỀ, ở phía Nam Núi TU DI.

Để hiểu được lý do ấy ta phải xét lại cái ý niệm về bốn phương: Đông Tây Nam Bắc mà ý niệm này là ý niệm về bốn phía Phải – Trái – Trước – Sau của ta được liên kết, đồng thời với việc quan sát những Thiên Thê trên bầu Trời.

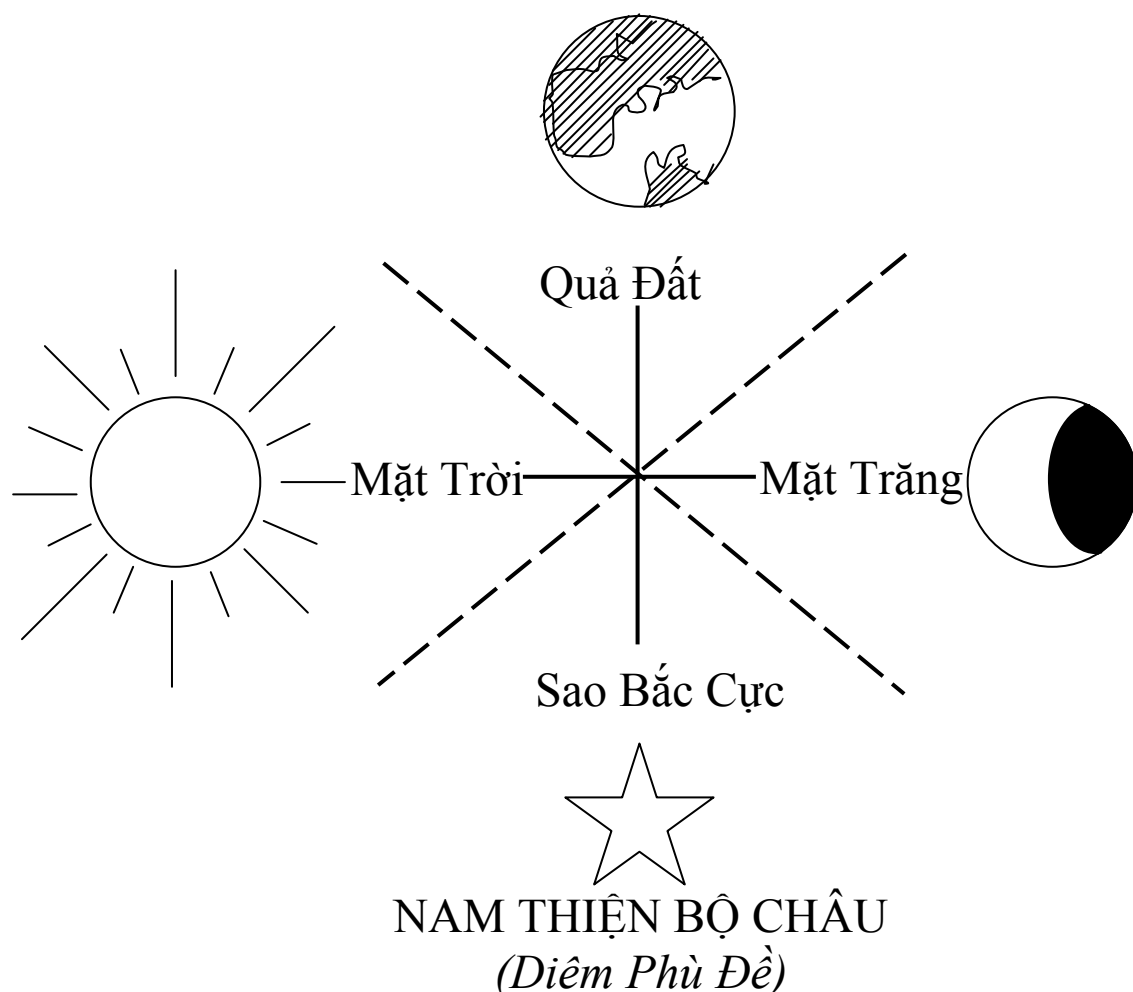
Chúng ta nhận biết rằng: Trong lúc toàn bộ bầu Trời Tinh Tú chuyển quay dần, sao này lặn, sao kia mọc thì chỉ riêng có một vì sao gần như đứng yên. Vì sao ấy được đặc biệt đặt tên là sao BẮC CỰC. Khi hướng về nó, Phía trước là phương

Bắc, phía sau ta đặt tên là phương Nam, bên phải ta đặt tên Đông và bên trái ta được đặt tên là Tây.

Rồi lại nhận thấy rằng: Ngoại trừ sao Bắc Cực làm gốc ở phương Bắc. Mặt Trời xuất hiện khởi đầu của một ngày mọc ở phương Đông. Mặt Trăng xuất hiện khởi đầu một tháng sóc ở phương Tây.

Ba Thiên Đế: Mặt Trời, Mặt Trăng và Tinh Tú (Nhật, Nguyệt, Tinh) được ta liên kết với ba phương rồi chỉ còn phương Nam nó phải được liên kết với Quả Đất của chúng ta đang ở, điều đó có ý nghĩa là Nam Thiên Bộ Châu (cõi Diêm Phù) thuộc về vô hình mà Địa cầu 68 (Quả đất) thuộc về hữu hình, một VÔ, một HỮU liên kết với nhau làm thành phần HẠ.

Ta có thể biểu tượng 4 Châu thành hình sau:



Những suy nghĩ:

Sự phân chia 72 Địa cho 4 Đại Bộ Châu để mỗi Đại Bộ Châu có 18 Địa làm ta liên tưởng đến bộ CHUỖI 18 HỘT và ý nghĩa việc luyện Châu trong tứ thời.

Sự sắp xếp 72 Địa trong sự hình thành Địa Cầu tạo nên 10 tầng:

- 1 tầng ngoài cùng gồm 4 Địa
- 8 tầng giữa, mỗi tầng 8 Địa và tầng trong cùng gồm 4 Địa

10 tầng này cho ta ý niệm về 10 tầng ĐỊA NGỤC hay 10 ĐIỆN kinh cầu siêu có câu:

“

Chốn Dạ đài Thập Điện Từ Vương

Thấy hình khổ lòng thương thảm thiết.”

Với 18 Địa, của mỗi Đại Bộ Châu, 2 Địa: trong và ngoài cùng nối nhau làm thành một đoạn thẳng phân chia 16 Địa còn lại làm 2 bên, mỗi bên có 8 Địa. Điều này cho ta ý nghĩa của 2 chén nước ÂM – DƯƠNG.

Tại sao phải được rót 8 phân trong việc cúng kiếng hay ý nghĩa 8 lượng chơn Âm và 8 lượng chơn Dương của một Cân Đại Dược trong công phu tu luyện:

“Hồng diên HAI TÁM hoà nên một

Rồng Cọp đem về tại Huyệt Tinh”

* * *

PHẦN THƯỢNG

Gồm 36 Thiên và 3000 Thế giới, một vô hình và một hữu hình hợp thành.

Ta lấy 36 Thiên phân ra làm 3 cho 3000 Thế giới ta được 12 Thiên cho 1000 Thế giới, rồi tìm cách ổn định 1000 Thế giới trong 12 Thiên như sau :

900 Thế giới cho 9 Thiên, mỗi Thiên có 100 Thế giới, 100 Thế giới cho 3 Thiên còn lại, mỗi Thiên được 30 Thế giới và sẽ còn lại 10 Thế giới chưa ổn định trong 12 Thiên.

3000 Thế giới hữu hình này là sự biểu hiện của 3 Thanh : THƯỢNG, THÁI, NGỌC. Được diêu hoá từ một khí (nhất khí diêu hoá Tam Thanh) nên phải thống nhất. Sự thống nhất này khai mở 36 Thiên thành 12 tầng gọi là “THẬP NHỊ KHAI THIÊN”

Trong 12 tầng này, 9 tầng ngoài (ứng với 9 Thiên, mỗi Thiên có 100 Thế giới) gọi là CỬU THIÊN KHAI HOÁ.

10 Thế giới chưa định trong 12 Thiên, được đặc trưng bằng 10 Thiên Can là: Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý, được nắm giữ bởi 10 vị thánh.

12 Thiên chưa ổn định với 10 Thế giới được đặc trưng bằng 12 Địa chi là : Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ , Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi và được nắm giữ bởi 12 vị Thần.

Với 10 Thế giới chưa ổn định trên, nếu đem chia ra định vị thêm vào 9 Thiên ngoài, ta được 1 Thế giới cho mỗi Thiên và còn dư 1 Thế giới. Thế giới dư này định vị luôn ở Thiên thứ 9. Sau khi định vị được như vậy thì 10 vị Thánh nắm giữ 10 Thiên Can đặc trưng của 10 Thế giới được lập thành 9 vị TIÊN NUÔNG và 1 vị PHẬT MẪU.

Với 10 Thế giới chưa ổn định trên, nếu đem chia ra định vị thêm vào 3 Thiên trong, ta được 3,3 Thế giới cho mỗi Thiên. ($10 : 3 = 3,3\dots$) chính số 3,3 này làm thước tắc bề kính của quả CÀN KHÔN mà THẦY dạy phải tạo lập.

Sau đây là tên 12 tầng, thứ tự từ ngoài vào trong hay từ thấp lên cao dựa theo các bài kinh Cửu Cửu, Tiểu Tường, Đại Tường và Di Lạc.

1. Vườn Ngạn Uyển
2. Vườn Đào Tây Vương Mẫu
3. Thanh Thiên
4. Huỳnh Thiên
5. Xích Thiên
6. Kim Thiên
7. Hạo Nhiên Thiên
8. Phi Tường Thiên
9. Tạo Hoá Thiên
10. Hư vô Thiên
11. Hồn Ngươn Thiên
12. Thượng Thiên Hồn Ngươn

Ta thấy 1 tầng đều được đặt tên là 2 cái vườn : Vườn NGẠN UYỂN là vườn hoa, Vườn Đào TÂY VƯƠNG MẪU là vườn quả. Tầng thứ 12 được gọi là THƯỢNG THIÊN HỒN NGUƠN. Nghĩa là để chỉ tầng ở trên tầng HỒN NGUƠN THIÊN mà thôi, không có một đặc trưng riêng cho các tầng khác.

Như vậy, trong 12 tầng này chỉ có 9 tầng được gọi là 9 cõi Trời hay CỬU THIÊN, gồm từ Thanh Thiên đến Hồn Ngươn Thiên.

Danh từ “CỨU THIÊN” này ta thường gặp chẳng hạn ở câu mở đầu Chú Thông Minh:

*“CỨU THIÊN đại lang
Thân Phi Bạch Y ...”*

Hay trong phần Hương Chú của Kinh Cảm Ứng có câu :

.

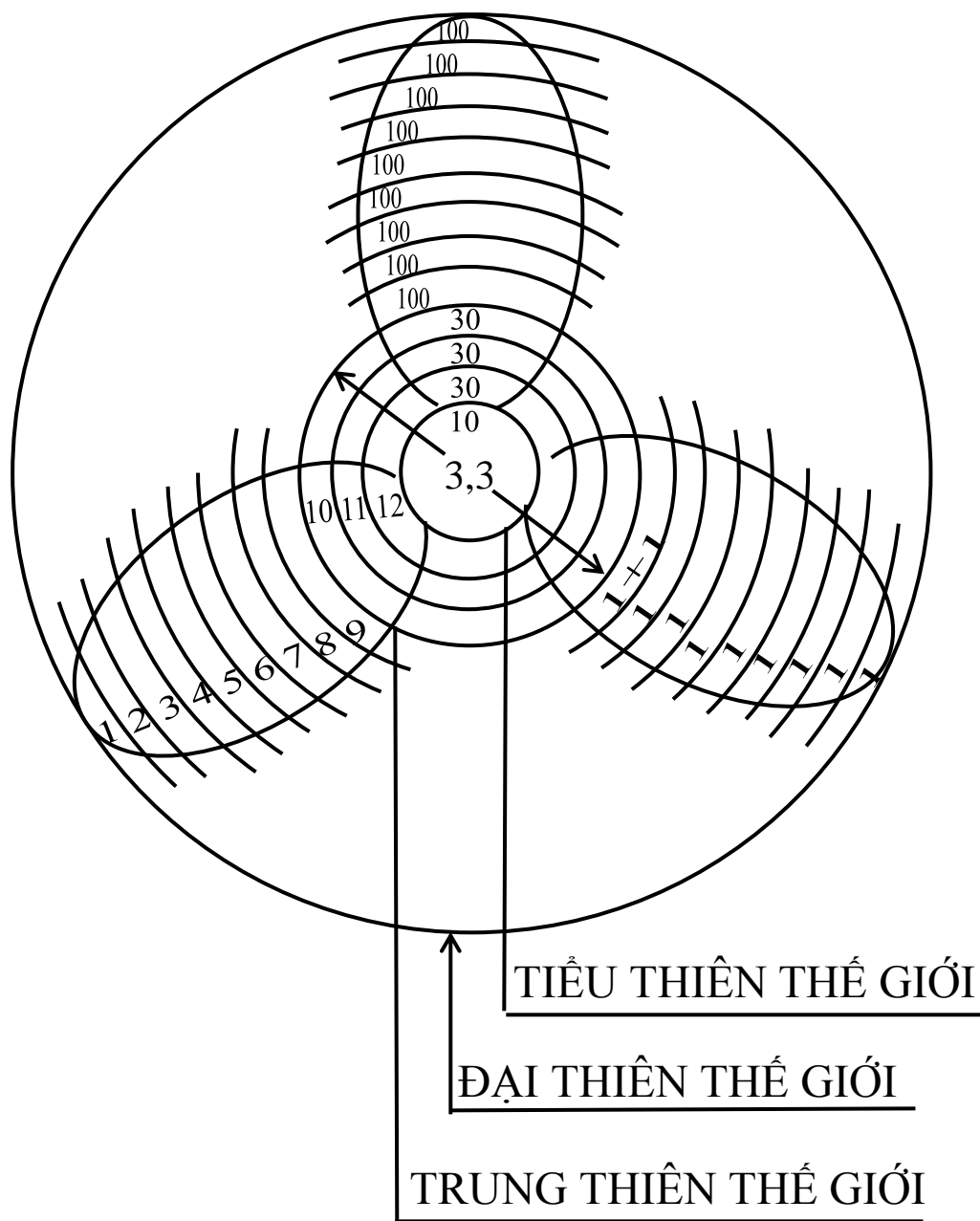
*“Kim Thân Quan cáo
Kinh đạt Cứu Thiên”*

.

Được dịch ra :

*“Ngày nay đệ tử khản nguyện
Chín tầng Trời Đất thông truyền chứng tri...”*

.



36 THIÊN, 3000 THỂ GIỚI
 (Nhất Khí diệu hoá Tam Thanh)

Thập Nhị Khai Thiên

ĐẠI THIÊN THỂ GIỚI

Bây giờ ta qua một vấn đề khác, như ta đã biết vì có 4 tên cho 4 Đại Bộ Châu ở phần HẠ nên theo sự đối ứng chỉ có 3 tên cho 3000 Thế giới ở phần THƯỢNG là:

Tiểu Thiên Thế giới, Trung Thiên Thế giới và Đại Thiên Thế giới. Mặt khác sự đối ứng còn hàm chứa ý nghĩa về số lượng:

THIÊN (Ngàn) ứng với Đại (Lớn)

BÁ (Trăm) ứng với Trung

THẬP (mười) ứng với Tiểu (Nhỏ)

Từ đó ta thấy rằng:

- Tập hợp 30 Thế giới chưa ổn định được gọi là Tiểu Thiên Thế giới

- Tập hợp số Thế giới mà ta đã ổn định ở 3 tầng trong và cả số thế giới chưa ổn định là 300 Thế giới được gọi là TRUNG THIÊN THẾ GIỚI.

- Tập hợp tất cả 3000 Thế Giới được gọi là ĐẠI THIÊN THẾ GIỚI.

Trong bài Tiên Giáo Bửu Cáo có câu:

“Đạo pháp ba la

Cửu Hoàng Ty Tổ

ĐẠI THIÊN THẾ GIỚI

Dương tưng từ ân”

.....

Nói Đại Thiên Thế Giới, là có đủ 3000 Thế Giới trong đó vậy. Tóm lại ta nên lưu ý:

- 3000 Thế Giới nhưng tóm lại chỉ có 1 ĐẠI THIÊN THẾ GIỚI.

- 36 Thiên nhưng khai mở và đặc trưng chỉ có 9 Thiên.

NHỮNG SUY NGHĨ

Ở phần HẠ ta có một liên tưởng đến một BỘ CHUỖI 18 hột với sự phân chia 72 Địa cho 4 Đại Bộ Châu, ở phần này ta cũng có một liên tưởng một BỘ CHUỖI 108 HỘT với sự NHÂN 36 Thiên cho 3 Thiên Thế giới.

- Sự hợp nhất của 3 Thiên Thế giới được biểu lộ ở 3 ly đựng rượu được đặt trên một cái đĩa và 3 phân rượu được chước cho mỗi ly khi hành lễ.

- Vườn Ngạn Uyển và Vườn Đào Tây Vương Mẫu là hai cõi hồng trần và trung giới mà nhân loại lên xuống, được thể hiện qua bình hoa và đĩa quả trên Thiên Bàn tượng trưng cho luật NHƠN QUẢ.

- Tầng thứ 12, ở trên tầng Hỗn Nguơn Thiên không có đặc trưng riêng, cho nên coi như hàm chứa 9 Thiên, 10 Địa và 2 vườn.

- Đến đây ta đúc kết 2 phần THƯỢNG và HẠ vào một bảng gọi tên là:

“LUẬT NHÂN QUẢ với THIÊN ĐƯỜNG và ĐỊA NGỤC theo ĐẠO CAO ĐÀI”

Được bảo chứng bằng mấy câu trong: “Long Hoa Thượng Hội Thiên Địa Chơn Kinh” như vậy:

Nguyên Thủy Đại Thiên Tôn, tán viết:

“Nguyên do nhất điểm thọ Càn Khôn

Vạn cổ anh linh vạn cổ tôn

CỨU THIÊN uy chấn ngô danh dự

THẬP ĐỊA Thanh truyền kinh mỵ hồn”

* * *

**LUẬT NHÂN QUẢ VỚI THIÊN ĐƯỜNG,
ĐỊA NGỤC THEO ĐẠO CAO ĐÀI**

THƯỢNG THIÊN HỒN NGUỒN	CỬU THIÊN	9. HỒN NGUỒN THIÊN 8. HƯ VÔ THIÊN 7. TẠO HÓA THIÊN 6. PHI TƯỚNG THIÊN (<i>Bạch Ngọc Kinh hay Niết Bàn</i>) 5. HẠO NHIÊN THIÊN 4. KIM THIÊN 3. XÍCH THIÊN 2. HUỖNH THIÊN 1. THANH THIÊN
		VƯỜN ĐÀO TÂY VƯƠNG MÃU VƯỜN NGẠN UỖN <i>(Luật Nhân Quả)</i>
THẬP ĐỊA		1 (TÂN QUẢN VƯƠNG)
		2 (SỞ GIANG VƯƠNG)
		3 (TÔNG ĐẾ VƯƠNG)
		4 (NGƯ QUAN VƯƠNG)
		5 (DIÊM LA VƯƠNG)
		6 (BIỂN THÀNH VƯƠNG)
		7 (THÁI SƠN VƯƠNG)
		8 (BÌNH CHÁNH VƯƠNG)
		9 (ĐÔ THỊ VƯƠNG)
		10 (CHUYỂN LUÂN VƯƠNG)

GHI CHÚ: “THẬP ĐIỆN MINH VƯƠNG ĐƯỢC TRÍCH TRONG “NGỌC HOÀNG CỐT TỬY KINH”.

CÂU THỨ BẢY ĐÃ TÌM HIỂU VỚI HAI PHẦN THƯỢNG VÀ HẠ TIẾP ĐÂY LÀ CÂU THỨ 8

“Tiên Thiên Hậu Thiên Tịnh Dục ĐẠI TỬ PHỤ

Cổ Ngưỡng Kim Ngưỡng Phổ Tế Tổng Pháp Tông”

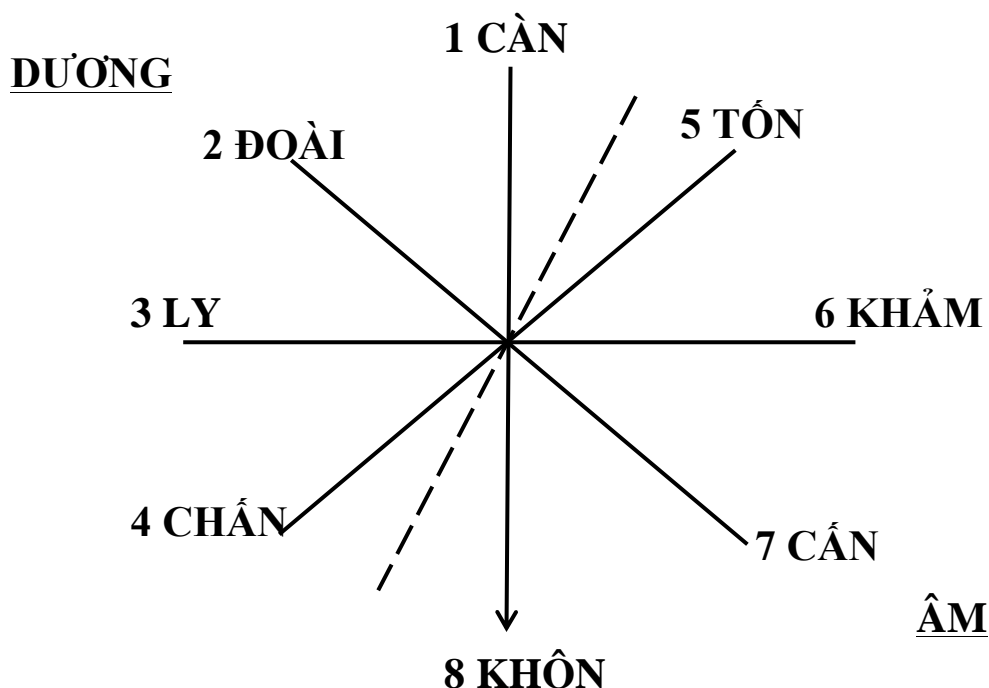
Điểm then chốt của câu là tìm hiểu 2 phần TIÊN THIÊN và HẬU THIÊN, mà ta sẽ tìm hiểu qua Tiên Thiên Bát Quái và Hậu Thiên Bát Quái.

Tiên Thiên Bát Quái là Bát Quái nguyên thủy của PHỤC HY với phương vị ta đã biết, 8 quái được chia làm 2 phần: DƯƠNG và ÂM.

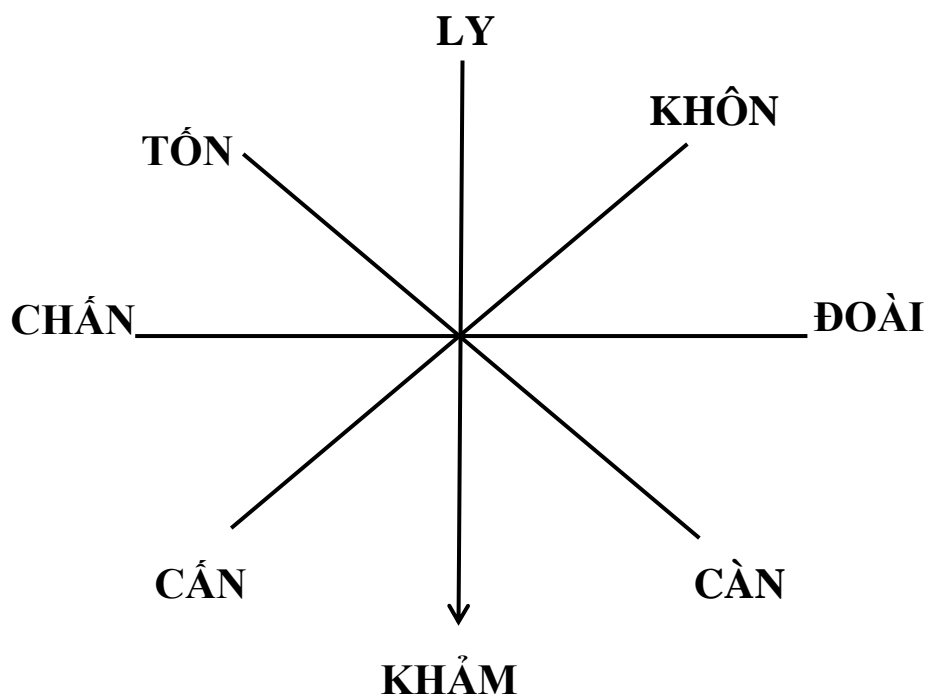
- Phần Dương gồm 4 Quái có HÀO TRONG CÙNG LÀ HÀO DƯƠNG: Càn, Đoài, Ly, Chấn.

- Phần âm gồm 4 Quái, có HÀO TRONG CÙNG LÀ HÀO ÂM: Khôn, Cấn, Khảm, Tốn.

Càn và Khôn là 2 Quái thuần tính (Càn thuần DƯƠNG, Khôn thuần ÂM) ở phương vị Nam Bắc trục Càn, Khôn coi là trục gốc.



Về sau, Văn Vương, diễn lại 8 Quái và sắp đặt theo 1 phương vị khác, được gọi là VĂN-VƯƠNG Bát Quái phương vị, còn được gọi là Hậu-Thiên Bát Quái như sau:



Sự chuyển được dịch phương vị các Bát Quái theo Văn-Vương có ý nghĩa và lý do như thế nào?

Để có thể hiểu được, ta sẽ bắt đầu với Bát Quái PHỤC HY và từng bước lập thành Bát Quái của Văn-Vương.

Đầu tiên Văn-Vương nhận thấy trục Nam Bắc của Bát Quái Phục Hy là Càn và Khôn, là 2 Quái thuần tính chỉ nói lên ĐẠO ÂM DƯƠNG TIÊU TRƯỞNG, là thể của Dịch, chưa nói được lý ÂM DƯƠNG TƯƠNG ĐỐI là dụng của Dịch. Cho nên mới quay Bát Quái Phục Hy, theo chiều thuận một góc vuông (quay theo chiều kim đồng hồ) để trục Ly, Khảm, thế vị Trục Càn, Khôn biểu lộ được ÂM DƯƠNG TƯƠNG ĐỐI TÍNH, và khi quay như vậy thì hai phần ÂM và DƯƠNG (Âm nghi và Dương nghi) cũng phải biến tính và định phái.

Phần Dương được biến tính là phái Nữ và được định bởi Quái Ly, nghĩa là phái Nữ gồm các Âm quái mà Âm lấy chuẩn

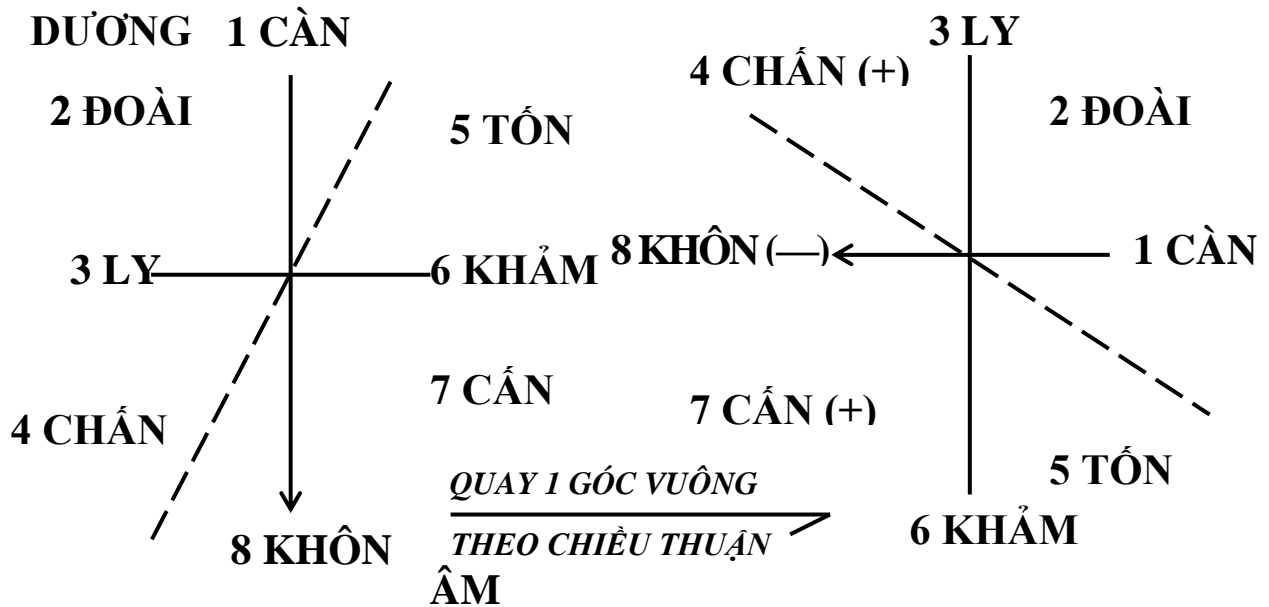
ở quái Ly gồm một hào Âm và hai hào Dương: Âm quái đa Dương.

Phần Âm được biến tính là phái Nam và được định bởi quái Khảm, nghĩa là quái Nam gồm các Dương quái mà Dương quái lấy chuẩn ở quái Khảm gồm một hào Dương và 2 hào Âm: DƯƠNG QUÁI ĐA ÂM.

Như vậy ta có:

4 Âm quái là Tốn, Khôn, Ly, Đoài

4 Dương quái là Càn, Khảm, Cấn, Chấn.



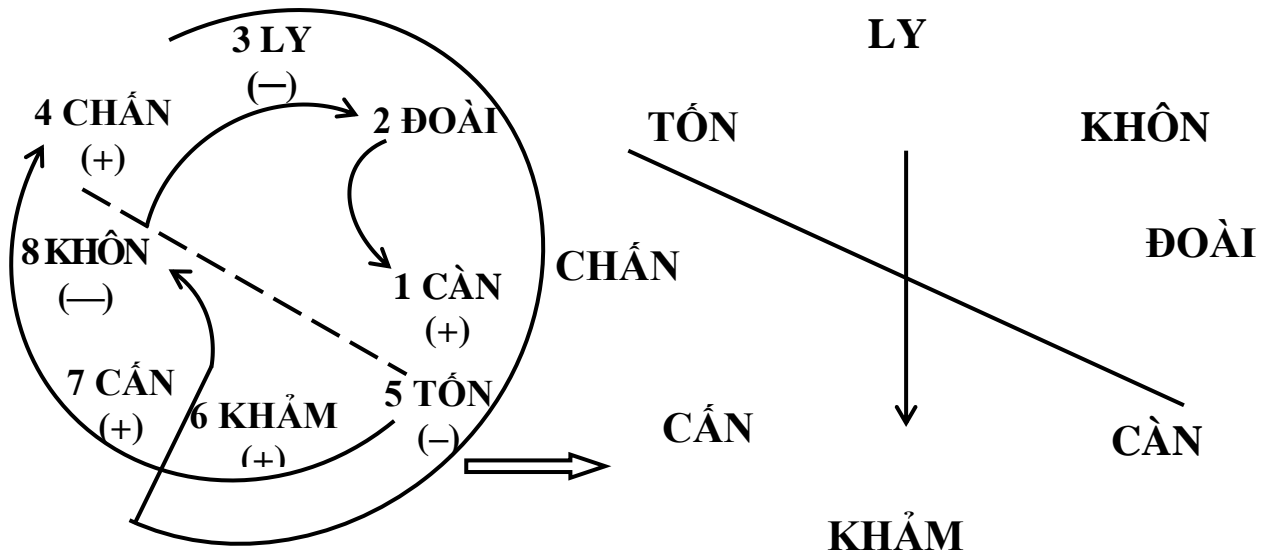
PHỤC HY BÁT QUÁI PHƯƠNG VỊ

Sau cùng là sự lắp đặt các Âm quái về với Phái Nữ, các Dương quái về với Phái Nam để được ổn định như sau:

Khởi từ CÀN là Dương quái phải tìm về phần của Nam Phái theo chiều thuận CÀN gặp Tốn là Âm quái lại ở bên phần của Nam, Càn sẽ mời Tốn ra đi và an vị ở đó.

Tốn về phần của mình cũng đi theo chiều thuận gặp Chấn là Dương quái, CHẤN phải ra đi để TỐN an vị (TỐN đắc vị ở CHẤN), cũng tương tự theo chiều thuận, CHẤN về phần của Nam và đắc vị ở KHÔN, vì KHÔN là Âm quái. Sau khi

nhường chỗ cho CHẤN, lẽ ra KHÔN phải ổn định nơi vị trí của CÁN lúc khởi đầu, nhưng vị trí ấy Đoài đã thuận theo đặc vị, nên chung cuộc KHÔN đã ổn định nơi ĐOÀI đã bỏ trống./.



VĂN-VƯƠNG BÁT QUÁI PHƯƠNG VỊ

Như thế, ta đã lập thành Bát Quái VĂN-VƯƠNG từ Bát Quái của PHỤC HY và cũng nên biết thêm những tên gọi mới của 8 quái mà Văn-Vương diễn đặt:

- CÁN : Phụ
- KHÔN : Mẫu
- KHẢM : Trung Nam
- LY : Trung Nữ
- CÁN : Thiếu Nam
- ĐOÀI : Thiếu Nữ
- CHẤN : Trưởng Nam
- TỐN : Trưởng Nữ.

(Trưởng là vì Hào thiếu số ở dưới, còn Trung là vì ở giữa và Thiếu là vì ở trên. Đây là phép đặt tên của Văn-Vương).

Những suy nghĩ :

Hai phần Tiên-Thiên và Hậu-Thiên được bày ra trong việc thiết lập Thiên Bàn thờ THƯỢNG ĐẾ của ĐẠO CAO ĐÀI .

Thiên Bàn gồm hai cái bàn, một cái gọi là Bàn Tiên-Thiên, và một cái thấp hơn kê sau gọi là Bàn Hậu-Thiên.

Văn-Vương diễn đạt 8 quái ra 8 con người trong một gia đình gồm: Cha, mẹ và con cái, có 3 trai, 3 gái. Điều đó làm ta không khỏi không nhớ đến GIA ĐÌNH DUY NHẤT CỦA LOÀI NGƯỜI, được ơn tồn tại trên chiếc tàu bằng cây do Ghô Phe sau cơn lụt đó là gia đình của Nô Ê cũng gồm 2 vợ chồng, 3 trai là SEM, CHAM, GIA PHẾT, và 3 nàng dâu, được ghi lại trong sách thứ nhất của Môi Se (Sáng thế ký).

Hữu duyên thay cho sự tồn tại gia đình 8 người do Văn-Vương diễn đạt sau nạn LỬA (đốt sách) bởi Tần Thủy Hoàng cũng như huyền diệu thay cho sự tồn tại gia đình Nô Ê sau nạn (lụt) của ĐỨC CHÚA TRỜI.

* * *

Câu thứ chín

“- *Nãi NHẬT, NGUYỆT, TINH, THẦN chi quân*
Vi THÁNH, THẦN, TIÊN, PHẬT chi chủ”

Ta lưu ý chữ Thần ở hàng trên có nghĩa là 12 khoảng không, được chia trên bầu Trời.

Mặt trời, Mặt Trăng, Tinh Tú thì ta thấy được còn Thần thì chỗ nào cũng có mà chẳng thấy được. Tại làm sao ?

Như vậy Thần ở đâu ? Ở ngay nơi con mắt như lời Thánh Ngôn Thầy dạy :

“*Con hiểu : Thần cư tại nhãn ,bố trí cho chư đạo hữu con hiểu rõ nguồn cội Tiên, Phật do yếu nhiệm là tại đó. Thầy khuyên con mỗi phen nói Đạo hằng nhớ đến danh Thầy.*”

(Trích Thánh Ngôn đàn ngày 25.02.1926)

Ta thấy rằng: Câu này có quan hệ đến sự thờ phượng của ĐẠO CAO ĐÀI.

Câu thứ 12 (câu cuối) ở hàng thứ ba có 10 chữ:

- *HUYỀN KHUNG CAO THƯỢNG ĐẾ NGỌC HOÀNG ĐẠI THIÊN TÔN.*

Cũng được Đức Ngô Minh Chiêu vị đệ tử đầu tiên của Đức CAO ĐÀI TIÊN ÔNG BỒ TÁT MA HA TÁT. Viết nguyên tự chữ Hán để thờ trên bài vị: THẬP TỰ TAM THANH.

Nhớ lại, ta đã bắt đầu phần tìm hiểu với TIÊN ĐỀ KHỞI ĐỘNG. “Bát Quái Đồ xoay đủ 9 vòng” của Đức Hộ Pháp PHẠM CÔNG TẮC, đến đây gặp THẬP TỰ TAM THANH của Đức Ngô Minh Chiêu là dấu ngưng nghỉ ĐỀ YÊN TỊNH, nên ta cũng tạm kết thúc ở đây vậy.

Quá Đông Tam Nhật .

* * *

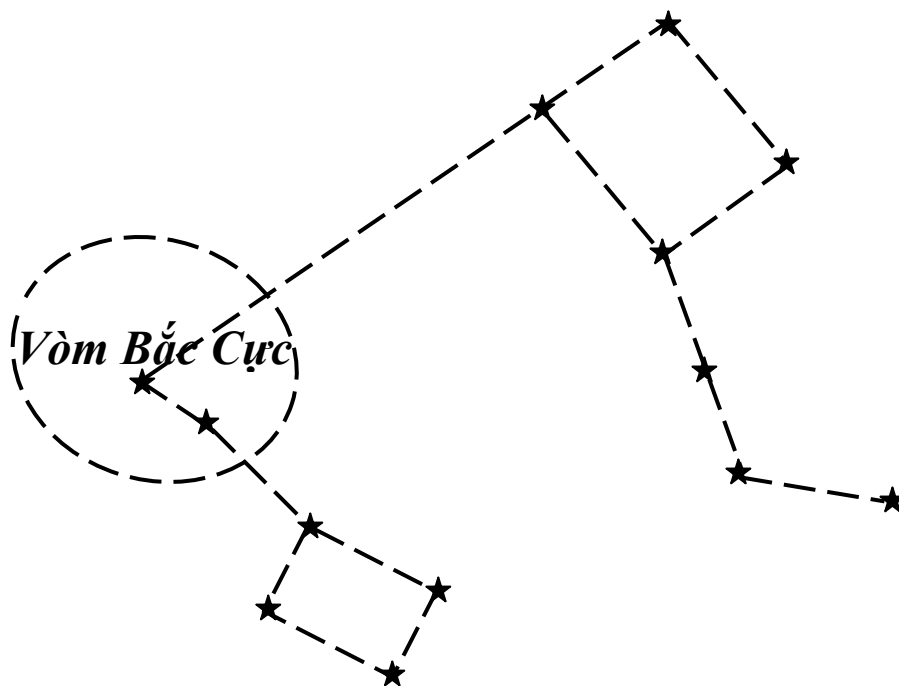


PHẦN II

Trước kia, khi chúng ta tìm hiểu đến câu :

*“Nãi nhựt nguyệt tinh thân chi quân
Vi Thánh Thần Tiên Phật chi chủ”*

Thì ta cũng biết sơ qua là Ngài làm vua cả mặt Trăng, mặt Trời, các vì sao và mười hai khoảng không trên bầu Trời, Ngài làm chúa các Thần, Thánh, Tiên Phật: tôi muốn lưu ý và nhắc lại quý bạn là chữ “Thần” ở vế trên là “Thần vô phương như dịch vô thể”. Vì lẽ con người trong quá trình tìm biết vũ trụ, các bậc tiên giác chia bầu trời mênh mông kia làm thành 12 khoảng, (Thập nhị khai Thiên) bên Tây Phương họ gọi là 12 Zodiaques, được phân chia quanh đường đi của mặt trời khi quả đất của chúng ta đi hết vòng quỹ đạo là một năm. Đông Phương chúng ta lại theo phép “Kiến dụng Hoàng cực” mà Kiến Tý, Kiến Sửu, Kiến Dần, Kiến Tuất, Kiến Hợi.



Vòng Hoàng Cực

Từ năm Bộ Đẩu quanh vòng Hoàng Cực là Bắc Đẩu, Nam Đẩu, Đông Đẩu, Tây Đẩu và Trung Đẩu mở rộng đến Nam Tào trấn định Càn Khôn bằng 28 vì sao gọi là Nhị Thập Bát Tú. Đây là bầu Trời sao cố định, trên nền sao cố định ấy

mới quan sát mặt Trời, mặt Trăng và các vì sao di chuyển (hành tinh) rồi phân biệt đường đi của các sao, mặt trời, mặt trăng, ... chẳng hạn như Hoàng Đạo là đường đi của mặt Trời, Hắc Đạo hay Bạch Đạo là đường đi của mặt Trăng.

Hệ thống mặt trời chúng ta (Thái Dương hệ) không những chỉ có ngũ hành tinh là Kim, Mộc, Thủy, Hỏa và Thổ Tinh mà còn có Thiên Vương Tinh, Hải Vương Tinh, Diêm Vương Tinh, vv. (các Sao Chổi). Nhưng Nhựt Nguyệt và Ngũ Hành Tinh cũng đủ làm đại biểu hội thông trong mối tương quan thống nhất Nhơn Sự, Địa Lý và Thiên Văn rồi vậy. Cho nên ta thường gặp trong giáo lý các tôn giáo đông hay Tây cũng như vậy, trong không gian cũng như trong thời gian. Nào là bảy bước của Đức Thế Tôn hay là 7 ngày sáng thế trong Kinh Cựu Ước, chép về sự sáng ra thế gian của Đức Chúa Trời. Tôi nhớ mang máng là:

- Ngày thứ nhứt Chúa phân ra sự sáng và sự tối
- Ngày thứ hai Chúa tạo ra bầu trời và các vì sao

Đến ngày thứ sáu Chúa tạo ra con người và muôn vật xong.

Ngày thứ bảy Chúa nghỉ làm việc. Ở chỗ này ta có thể hiểu:

Sáng thế ngày thứ nhất là sự nhận biết đầu tiên về ngày và đêm, đánh dấu cho sự nhận biết này nhờ mặt trăng nên gọi là ngày mặt trăng: Lundi (Pháp), Monday (Anh) còn giữ căn ngữ (La lune; moon: mặt trăng). Ấy là ngày thứ hai, tinh kỳ nhất.

Sáng thế ngày thứ hai là dành cho sao Hoả gọi là ngày sao Hoả: Mardi (Pháp) còn giữ căn ngữ (Mars: Sao Hoả). Ấy là ngày thứ 3, tinh kỳ nhì.

Sáng thế ngày thứ 3 được dành cho sao Thủy, gọi là ngày Thủy : Mercredi (Pháp) còn giữ căn ngữ (Mercure : Sao Thủy). Ấy là ngày thứ 4, tinh kỳ ba.

Sáng thế ngày thứ tư dành cho sao Mộc, gọi là ngày sao Mộc: Jeudi (Pháp) còn giữ căn ngữ (Jupiter: Sao Mộc). Ấy là ngày thứ năm, tinh kỳ bốn.

Sáng thế ngày thứ năm dành cho sao Kim, gọi là ngày sao Kim: Vendredi (Pháp) còn giữ căn ngữ (Venus: Sao Kim). Ấy là ngày thứ sáu, tinh kỳ năm.

Sáng thế ngày thứ sáu dành cho sao Thổ, gọi là ngày sao Thổ, gọi là ngày sao Thổ: Saturday (Anh) còn giữ căn ngữ (Saturne: Sao Thổ). Ấy là ngày thứ bảy, tinh kỳ sáu.

Ta lưu ý trong ngày này Chúa tạo ra con người đầu tiên bằng đất giống như hình thể của Ngài; ngày thứ tiếp theo Chúa nghỉ, dành cho mặt trời gọi là ngày Chúa Nhật, ngày của Chúa sáng tạo vậy ! Sunday (Anh) còn giữ căn ngữ (Sun: mặt trời). Ấy là tinh kỳ nhật.

Đông phương, 7 ngày được mở rộng ra khắp bốn phía Càn Khôn; có thể nói “Sáng Thế Ký” theo Đông phương là 28 ngày, mỗi ngày được dành cho một vì sao cai quản, ấy là Nhị Thập Bát Tú, bầu Trời của các Tinh Quân khi so sánh Đông Tây vẫn đồng nhịp Nhật Nguyệt Ngũ Hành.

Phía Đông, chòm Thanh Long gồm :

- 1 – Giác Mộc Giao
- 2 – Can Kim Long
- 3 – Đê Thổ Lạc
- 4 – Phòng Nhật Thố
- 5 – Tâm Nguyệt Hồ
- 6 – Vĩ Hỏa Hổ

7 – Cơ Thủy Báo

Phía Bắc, chòm Huyền Vũ gồm :

8 – Đẩu Mộc Giải

9 – Ngưu Kim Ngưu

10 – Nữ Thổ Bức

11 – Hư Nhựt Thử

12 – Nguy Nguyệt Yên

13 – Thất Hỏa Trư

14 – Bích Thủy Du

Phía Tây, chòm Bạch Hổ gồm:

15 – Khuê Mộc Lang

16 – Lâu Kim Cầu

17 – Vị Thổ Trĩ

18 – Mão Nhựt Kê

19 – Tất Nguyệt Ô

20 – Chuỷ Hỏa Hầu

21 – Sâm Thủy Viên

Phía nam, chòm Châu Tước gồm:

22 – Tinh Mộc Hàn (Lại)

23 – Quỷ Kim Dương

24 – Liễu Thổ Chương

25 – Tinh Nhựt Mã

26 – Trương Nguyệt Lộc

27 – Dực Hỏa Xà

28 – Chân Thủy Dẫn

Cho nên Đông Phương nói: Hôm nay là ngày sao Đẩu (Mộc Giải), ta biết ngay là ngày sao Mộc, Tây Phương Lang Sa (Pháp) là Jeudi, Anh Mỹ biến thể là Thursday tức là ngày thứ năm đây, tuy khác nhau về chữ viết, thể âm nhưng vẫn đồng nhận kỳ Mộc Tinh (Jupiter).

Đồng nhận vì đồng kiến, đồng thấy 7 thể của con người, 7 linh của Chúa ban cho, 7 báu của cõi A Di Đà và cũng đồng tình hỷ nộ ai lạc, lúc giận bỏ khi vui yêu.

Tóm lại, có thể coi Âm Dương ngũ hành như là một học thuyết căn bản làm nền tảng quán thông từ nhân sinh đến vũ trụ nhằm mở rộng bản ngã nhỏ nhoi của con người đầy đau khổ và khát vọng tiến gần đến sự hiệp nhất an lạc hoà đồng trong vạn vật, trở về nguồn cội Cha Trời kinh qua quá trình học hỏi tu dưỡng thể nghiệm bằng thân xác, bằng trí óc do tự bản nguyện tâm linh của mình vậy.

Âm Dương ngũ hành luôn động dụng, từ mọi sinh hoạt ngoài thế tục đến những nghi thức của tín ngưỡng tôn giáo. Có điều là mỗi chúng ta có qui kiến được nguyên lý này trong cung cách cầu nguyện lễ bái của chúng ta hay không mà thôi.

Thầy cũng đã dạy :

“Hai tay chấp lại là sao ?

Tả là Nhứt, hữu là Nguyệt vị chi Âm Dương

Âm Dương hiệp nhất phát khởi Càn Khôn

Ấy là ĐẠO các con khá biết, ...”

Vậy chúng ta biết như thế nào ?

Chấp tay lại là Âm Dương hiệp nhất, tự thể đã đủ ngũ hành, mười ngón tay là 10 con số tiên định trong bản Hà-Đồ trên kia vậy, tạm bỏ qua về những yếu tố lịch sử, quan trọng là ta phải hiểu và nhận ra bản Hà-Đồ hiện thực đang ở trong ta, đó là diệu lý thuộc về Vô Vi Tiên-Thiên.

Khi Trời Đất đã an ngôi, nguyên lý vi diệu kinh phải thể nghiệm trong kiếp làm người thể thiên hành hoá. Đồng luận điểm Trần Tiên Sinh có câu:

*“Đất nứt ra ta Trời chuyển động
Ta thay trời mở đất mênh mông”*

Nhưng cũng chính vì ta thay Trời mở rộng mặt đất nên phải chịu bao điều nhân duyên trói buộc, hoàn cảnh éo le khắc nghiệt ! Hoặc giả nhiều khi mất phương hướng với bao cảm dỗ dẫy đầy mà quên bản nguyên !

Vì lẽ ấy cho nên Lạc-Thơ được xem là bức tâm thơ của Mẹ Diêu Trì nhắc chừng, muốn dìu bước những đứa con lạc lối nơi trần gian biết neo trở về nguồn cội.

Bát Quái Hậu-Thiên khác nào là lò tạo hoá với chất liệu ngũ hành tổ hợp phân đẳng tiến hoá từ vô cơ đến hữu cơ, từ kim thạch hòn đến rong rêu cây cỏ thảo mộc hòn, rồi thú cầm hòn, nhơn hòn. Đã làm con người hồi tưởng lại con bò, con nai, con chó, con mèo, ... biết bao khổ sở ! Thoát kiếp mà làm người được tự do thông thả không còn phải lẫn trốn trên núi rừng hang động ở thành phố văn minh có điện nước đầy đủ rồi đâm ra quên phẩm vị cao trọng mà mình đoạt được, nên Kịch Sách có câu:

*“Dễ gì lộn kiếp đặng làm người
Sanh đặng làm người, chớ dễ duôi
Lành dữ hai đường vừa ý chọn”*

Phải để mình tùy ý chọn vì không có gì quý hơn độc lập tự do mà, ung lành thì chọn lành, muốn dữ thì làm dữ, tự liệu lấy để còn Thần, Thánh, Tiên, Phật nữa chứ. Nói vậy không phải là ta chưa là Thần, Thánh, Tiên, Phật biết đâu trong chúng ta có nhiều bạn đã là Thần, Thánh, Tiên, Phật rồi, hằng hà sa số Phật kia mà! Hoặc đang là, mà mới là sơ sơ vì chưa giống lắm: anh thì mất mào thiếu khăn, anh thì không có thể

bài, anh thì cầm hai ba bộ chuỗi.. thôi thì coi như chúng ta kẻ ít người nhiều điều là Thánh, là Thần cũng được, thông qua được chưa các bạn?

À, mà không được phải phân phái phân chi rồi định phẩm định cấp chứ. Vấn đề này phức tạp lắm phải mã hoá rồi dùng máy vi tính mới được vì dễ lộn lắm.

Các bậc Tiên Giác đã để lại không biết bao nhiêu sách vở, kinh nghiệm, nhân cách siêu phàm cho chúng ta nhưng cũng có thể chúng ta không tìm thấy giá trị cụ thể nào vì không hợp với chỗ cầu học của chúng ta chăng?! Hay chúng ta còn mù mờ chưa biết phải bắt đầu từ chỗ nào để tìm lại di sản Tổ Tiên Hiền Thánh.

*“Đồ-Thơ bao bản còn treo đó
Cảm cảnh nhân gian bụi phủ mờ
Canh điếm sang canh Hồn tịch mịch
Nửa vờn như tỉnh nửa còn mơ ...”*

Thôi anh em chúng ta ai dậy trước chuẩn bị vào học. Trước hết là chữ Đồ, là phải đồ lại từng nét để thuộc các chữ cái đã học. Có mười chữ cái là mười con số nguyên đầu tiên, xác lập sự hiện hữu tồn tại và tánh đức Ngũ Hành trong Trời Đất như sau :

“Thiên nhất sanh Thủy, Địa lục thành Thủy”

“Địa nhị sanh Hỏa, Thiên thất thành Hỏa”

“Thiên tam sanh Mộc, Địa bát thành Mộc”

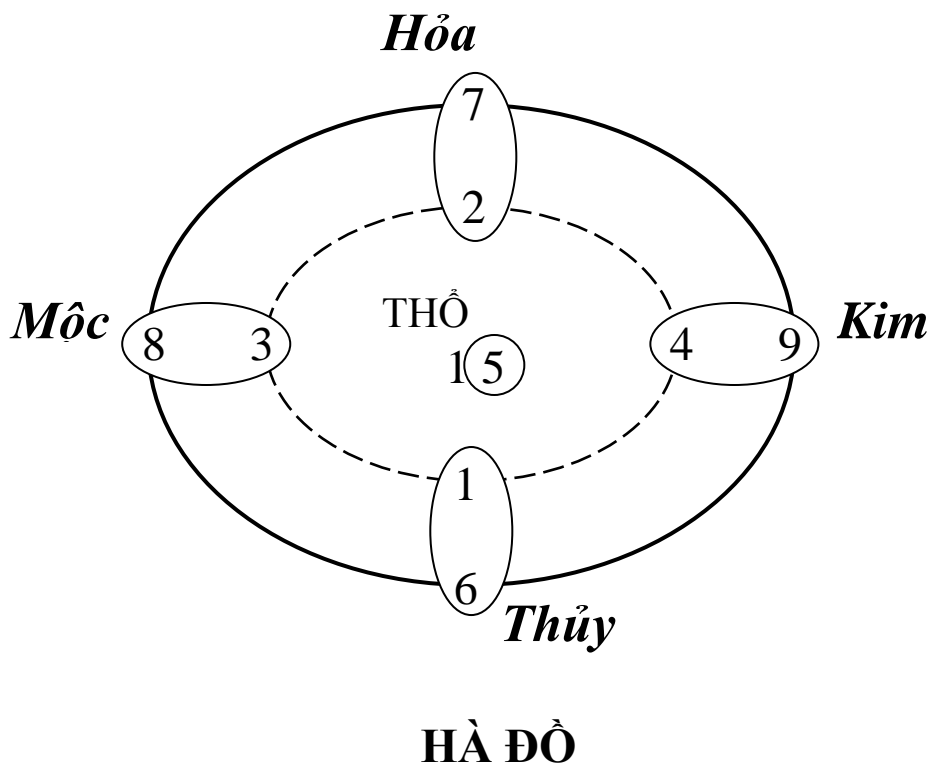
“Địa tứ sanh Kim, Thiên Cửu thành Kim”

“Thiên ngũ sanh Thổ, Địa thập thành Thổ”

“Thủy nhuận hạ “là nước chảy xuống

“Hỏa viêm thượng “là lửa bốc lên.

“Thổ giá sắc” là đất để trồng trọt, gieo cấy, cắt gặt mẽ cốc mà dùng; Mộc, Kim thì có thể bào gọt chế biến tinh luyện gia công uốn sửa làm kiềng. Làm vòng đeo tay xuất khẩu ra ngoài đôi lấy tiền, ... tùy ý.



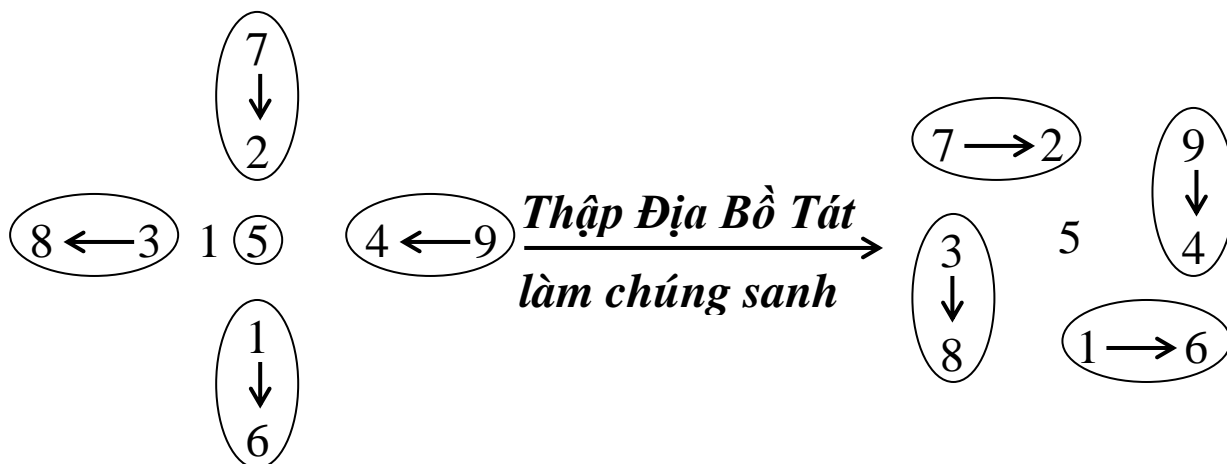
Phải định tâm mới được, vì Ngũ Hành mà! Hành là đi, đi lung tung mới khổ. Nên phải tập ngồi thiền để quán xét lại mình rõ ràng vì hệ động một cái là :

“Hào ly xao dọn linh quang đâu còn”

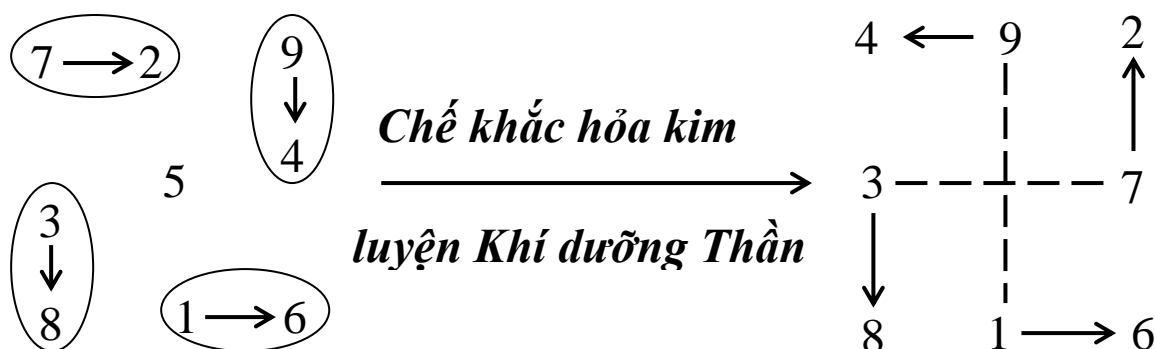
Nghĩa là linh quang ấy rớt xuống bề trần khổ, nhưng cái động ấy có thể vì nguyên lực, cũng có khi là đồng tình cảm xúc với tha nhân hoặc nhân phi nhân ai biết được mà phải lìa chỗ an nghỉ nơi Tịnh Độ để vào cõi Ta Bà. Sự thể này biểu thị ra là Hà-Đồ đã đánh mất số 10 vòng hộ pháp, Thập Địa Bồ Tát làm chúng sanh vậy.

Bồ Tát ma chỉ mừng tượng được ngôi Hoàng Cực của hàng ngũ địa, năm mươi món ấm ma chưa ổn định làm sao mà

tự tại, chiếu kiến ngũ âm giai không? còn có mà có nhiều hơn : tăng lên gấp mười !



Ráng, ráng lên... để có một thời công phu nào đó, chiếu kiến lên thấy giai không ngũ uẩn mới làm được tự tại Bồ Tát độ được hết thấy mọi sự khổ, giờ thì Đài Chiếu Giám cảnh minh chưa nhẹ bước, có thể vì còn chút ít tội tình nên phải học Pháp Đại Thừa Chiếu Minh Vô Vi Tam Thanh để tu để biết hàn nhiệt giao thông, Âm Dương thăng giáng, trụ vững tinh thần chế khắc Hoả Kim, thuận dưỡng Thần Khí, tự bảo vệ Chơn Dương mà an thổ, rồi lại gặp Mẹ, rồi lại thấy Cha!



LẠC THƠ

Rõ được Thiên Địa Quý Thần, không còn làm lộn tôn ma làm Thánh chê Tiên khinh người, từ đó là sơ cơ tiến lên hàng nhơn vị Bồ Tát, mới biết giựt mình:

“Lỗi tại tôi, lỗi tại tôi...

Lỗi tại chúng tôi...

Lạy Cha chúng con ở trên Trời xin Cha ban cho chúng con lương thực đủ dùng hàng ngày và tha nợ cho chúng con cũng như chúng con tha nợ cho kẻ khác...”

Muốn Chúa nhận lời mình nguyện, tha thứ cho mình, Chúa cũng buộc mình tha nợ cho kẻ khác, nghĩa là trong anh em phải thương nhau, bỏ qua cho nhau, phát tâm gạn gủi Chúa, xa lánh quỷ ma. Đó là Bồ Tát làm việc Thánh vậy. Vì Thánh Đức rất trang nghiêm, nên các Ngài có làm bài thơ để lại rằng :

“Tứ Hải Tam sơn hữu Bát Tiên

Cửu Long, Ngũ Hồ Nhứt Tề Thiên

Nhị Quân Thất tướng phò Lục Quốc

Thập Ngũ Lạc-Thơ vị chi huyền”

Xuống biển cõi Rồng, lên non cõi Cọp, điều quân khiển tướng gồm thâu lục quốc như Tần Thủy Hoàng cũng nhờ học được ba câu đầu, còn câu cuối thì chịu thua nên tức mình mới đốt sách, ai học thì sợ họ thuộc hơn mình bắt tội họ đem chôn, giờ còn để tiếng “phần thơ, khanh sĩ”:

Về sau chỉ có ba câu :

“Bốn biển ba non có tám ông

Chín Rồng bày cọp một con Không

Mẹ Cha chưa đáp ân sinh dưỡng

Tình dục đa mang chịu rói lòng !”

Ngũ hồ giờ thành bầy cọp, một con Không là Tề Thiên đã đi tu rồi, Pháp danh là Tôn Ngộ Không. Hai đấng sanh thành chưa báo đáp được mà thất tình lục dục nhiều thì lộn xộn, năm con cọp biến thành bầy ở giữa mạc tình sâu xé! mất đi lễ Đạo diệu huyền. Ấy là lời đình Bạch Hồ nhập cung trung: đại kỵ !

Cho nên tam cương phải rõ, ngũ thường phải thông. Vợ chồng gây mối nhân luân thế đạo, những cầu mong nối dòng đức phụng sanh lân. Nhưng cũng có khi trả vay nghiệt ngã !

Biết bao nhiêu sách kinh dạy bày để mỗi người tự biết rõ bổn phận, trách nhiệm của mình từ vợ chồng trong gia đình sinh ra con cái, đến xã hội quan hệ hàng ngày bao mỗi buộc ràng xử sao cho thoả tình mãn ý.

Chưa nói đến ông bà trên trước. Thật khó lắm thay! Sở cầu của con người, ở đâu cũng vậy là không ngoài ba chữ Phước, Lộc và Thọ. Một gia tộc còn đầy đủ ba đời ông bà khoẻ mạnh, con cháu sum vầy, dâu hiền, rể thảo thành đạt chức quan là điều hạnh phúc lớn lao ai mà không mong ước!

Chính vì niềm hạnh phúc lớn lao trong lòng của mỗi con người chúng ta khát khao ấy biến thành sự hy sinh cũng rất to lớn là từ bỏ chỗ đứng riêng của chính mình thành ra mất “Độc lập” để tìm tự do hạnh phúc. Nhưng âm dương bất trắc, phước họa khó lường, mình đã biết là không có gì quý hơn độc lập tự do mà nay có ý muốn hy sinh độc lập để tìm hạnh phúc với người mình yêu, coi chừng vì tự do mà mình mất cả độc lập để cuối cùng chỉ là bất hạnh!

Không phải là không có lý do chánh đáng mà các cụ ta ngày xưa xem tuổi tác coi ngày giờ khi chọn vợ gả chồng cho con cái...

“Tình yêu bắt đầu từ đôi mắt

Ngày mai bắt đầu bằng hôm nay...”

Chúng ta phải cẩn thận như thế này :

Vâng! Tình yêu bắt đầu từ đôi mắt, nhưng ngày mai bắt đầu bằng chín ngày đã qua ... phải không quý bạn?

Sự hiểu biết về cung, mạng ngũ hành cũng góp phần quan trọng trong sự bảo toàn hạnh phúc như đạo vậy :

Vì rằng :

“Xem qua xét lại cổ kim

Một bầu trời đất thanh liêm chín mươi...”

Trái đất vẫn phải theo định luật xuân, hạ, thu, đông, con người phải chịu sanh trưởng thâu tàng. Lấy trung bình hạ thọ được 60 tuổi, sao Thổ quay 2 vòng quỹ đạo xung quanh mặt trời mà an thân lập mạng. Gọi là :

“Mạng do ngã lập, phúc tự kỷ cầu” cho nên cổ đức có nói:

“Tam thập niên tiền khán mạng, tam thập niên hậu khán thân”

Bát điều mục của Nho Tông có nói : cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm.v.v...

Cách vật trí tri là lãnh vực khoa học phân tách sự vật tìm biết đến nơi đến chốn, đã rõ lẽ rồi, sau đó ý nghĩ mới thành thật được. Ý được thành thì mới tiến lên làm sao cho tâm được chánh đáng. Cho nên ta thấy nhiều nơi công đường, nhiều nhà khoa học thường có những cuộc hội họp để góp ý, tham luận, trình bày những ý của họ, họ là những nhà chuyên môn khoa bảng, học vị rất cao, tài trí vô cùng mà còn phải e dè, cần phải nhiều người hội ý mới thành được. Gặp nhau họ trình bày ý kiến của họ, ai có ý nào khác gọi là phản kiến thì họ chịu khó lắng nghe, hay thì học hỏi, dỡ thì họ bảo vệ bằng lý luận chứng minh, nếu mọi người nghe thỏa đáng thì ý đó được thành vậy.

Ý thành đâu phải dễ, biết bao nhiêu công phu, công trình kiểm chứng thực nghiệm. Thấy người đẹp nết na mình ưa, mình muốn. Đó là mình mới để ý cô ta thôi, cho đến khi ý thành nghĩa là mình cưới được cô ta làm vợ, thật đâu phải là đơn giản phải không quý bạn ?

Cho nên từ lúc để ý đến khi thành ý, trong quá trình diễn biến có lực lượng ngũ hành tham gia trong đó !

Vấn đề chánh tâm được đặt ra, chánh tâm như thế nào ? Vì:

*“Lẽ chánh tự nhiên có lẽ tà
Chánh tà hai lẽ đoán sao ra”*

Ở chỗ này phải có một thí dụ :

Mình nghe nói: **“Thượng Đế là tình yêu và lẽ hằng sống”**, mà Thượng Đế là ngôi độc nhưt Chí Tôn: **“Nhứt Thần phi tướng trị kỳ tâm”**, cũng như câu Thầy dạy: **“Thần cư tại nhĩn”** mới tự vẽ một con mắt không có tướng nam, tướng nữ, không có tướng Ấn Độ, Trung Hoa, Do Thái, Việt Nam gì cả mà thờ Ngài tức là “Nam Phương Giáo Chủ Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát”. Tuy hữu hình nhưng phi tướng, hữu hình thì hơi giống con mắt của mình, nhưng phi tướng là không phải tướng của Ông Tiên nào mà mình biết như Hồn Chung Ly, Lý Thiết Quả chẳng hạn, mà cũng giống con mắt của ai ai, của người mình yêu biết chừng! Sớm hôm tư tưởng nguyện cầu, tụng đọc cho Ngài nghe, lễ bái cho Ngài thấy, chắc rồi cũng có lúc Ngài hiện ra làm phép lạ cho mình thỏa mãn sở cầu, có thể lắm chứ!

Cổ văn ta có truyện “Bích Câu Kỳ Ngộ” kể về việc gặp gỡ lạ lùng giữa kẻ tiên người tục nhân lễ hội nơi chùa. Chỉ một bóng dáng thoáng qua mà mang lấy trong lòng nỗi niềm mơ ước, rồi mơ ước kia thành hình, rồi từ bóng dáng trong tranh kia nhảy ra làm thực mà quét nhà. Thối com.v.v..

Huống chi Tiên Ông ở trên “**Đài Cao**” mà mình là đệ tử tín thành, chắc Ngài cũng cảm ứng thương xót, cho mình một lần biết mặt phải không quý bạn ? Xin phép được hỏi quý bạn trẻ, có bạn nào biết mặt Đức Cao Đài Tiên Ông chưa? Ông Cha chung chúng ta đây! mà nếu bạn nào có duyên may gặp biết mặt được Ngài thì Ngài thêm buồn phiền không nhận cha con, thầy trò gì đâu, vì chúng ta đã không vâng lời Ngài dạy, vì cuộc đời chúng ta đã lỗi Đạo cùng Ngài, các bạn hãy nghe :

*“Linh Tiêu chuyển máy linh tái tạo,
Hiệp tam-thanh lập Đạo dìu đời;
Hoá thân vì trẻ đến nơi,
Dựng phong-vân hội lập đời Thuần Nghiêu.
Sợ con dại làm yêu mến quý,
Xuống ần thân liệu chỉ đường đi;
Biết con vì thế lỗi nghi,
Thương con dấu dạng trong kỳ tuyển Tiên.
Kìa Bạch Ngọc chia quyền chuyển thế,
Sai Phật Tiên phổ tế hồng trần;
Dây Thiêng Liêng buộc xa gần,
Ao toi nón lá ta bà khắp trong.
Chỉ dạy trẻ mà không gần trẻ,
Phước siêu sanh hai lẽ định phân;
Thuyền linh giục rước nhiều lần,
Mong con trong đặng một lần châu Tiên.
Con biết mặt thêm phân nào dạ,
Nên tránh con làm lạ cùng con;
Khuyên nhìn nước hãy xem non,*

Ấy là tin nhận con còn gặp Cha”.

Vì biết chúng ta vốn trong phần xác mà lỗi Đạo với Ông Cha Trời, nên Ngài không nhận mình nhưng vẫn thương mình, Ông muốn tự mình chuộc lại tội lỗi của mình khi gặp mặt ông mới vui phải không quý bạn ?

Từ hư thành thực là tướng pháp tùy duyên, từ thực về hư là tâm pháp Vô Vi Tam Thanh rọi sáng ba thừa chín phẩm.

Cho nên phải học phải tu để biết, để tránh điều làm lỗi gọi là: “Tánh mạng song tu, phước huệ đồng trì”. Cho dù ở huyền quan đang khai khiếu hay ở phước huệ đang đồng trí thì vẫn cũng là :

“Mạng do ngã lập, phước tự kỷ cầu”

Ấy là do ta, tự ta cầu lấy, tự ta lập lấy mà ta rồi người ai ai cũng vậy. Kinh rằng :

*“Thập Thiên can bao hàm vạn tượng,
Tùng Địa chi hoá trưởng Càn Khôn;
Trùng hoàn phục vị Thiên Môn,
Ngươn linh hóa chúng quỷ hồn nhứt thẳng.
Vô siêu đoạ quả căn hữu pháp,
Vô khổ hình nhơn kiếp lưu oan;
Vô địa ngục, vô quỷ quan,
Chí Tôn đại xá nhứt tràng quy nguyên ...”*

Khi vòng tuần hoàn trùng trở lại vị trí cửa Trời thì các ngươn linh được hoá thành chúng sanh, các quỷ hồn cũng thẳng, không có siêu đoạ quả căn, không còn khổ hình oan trái kiếp người, không dó địa ngục cửa quỷ nữa Chí Tôn đại xá tội để quy nguyên tất cả. Nên muốn không siêu đoạ thì phải theo cái pháp của Chí Tôn trong đại xá này vậy.

7 Bính
2 Đinh

8 3
Át Giáp

1 5

4 9
Tân Canh

5: Mậu

10: Kỷ

1 Nhâm
6 Quý

Thập Thiên Can là : Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý.

Thập nhị Địa Chi là: Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi.

Kể từ lần đầu chỗ Thiên Địa gặp nhau là Giáp Tý (Can đầu tiên của Trời kết hợp với Chi đầu tiên của Đất, tính đến lần cuối Thiên cùng Địa Can Chi là Quý Hợi giáp trở lại chỗ cũ gọi là một chu kỳ hoa Giáp, chia làm 6 Giáp như 6 cánh hoa :

Giáp Tý, Ất Sửu, Bính Dần, Đinh Mão, Mậu Thìn, Kỷ Tỵ, Canh Ngọ, Tân Mùi, Nhâm Thân, Quý Dậu.

Giáp Tuất, Ất Hợi, Bính Tý, Đinh Sửu, Mậu Dần, Kỷ Mão, Canh Thìn, Tân Tỵ, Nhâm Ngọ, Quý Mùi.

Giáp Thân, Ất Dậu, Bính Tuất, Đinh Hợi, Mậu Tý, Kỷ Sửu, Canh Dần, Tân Mão, Nhâm Thìn, Quý Tỵ.

Giáp Ngọ, Ất Mùi, Bính Thân, Đinh Dậu, Mậu Tuất, Kỷ Hợi, Canh Tý, Tân Sửu, Nhâm Dần, Quý Mão.

Giáp Thìn, Ất Tỵ, Bính Ngọ, Đinh Mùi, Mậu Thân, Kỷ Dậu, Canh Tuất, Tân Hợi, Nhâm Tý, Quý Sửu.

Giáp Dần, Ất Mão, Bính Thìn, Đinh Tỵ, Mậu Ngọ, Kỷ Mùi, Canh Thân, Tân Dậu, Nhâm Tuất, Quý Hợi.

Có thể đem áp dụng chu kỳ này trong việc gọi tên năm, tháng, ngày, giờ.

Áp dụng cho năm ta được 60 năm, gọi là một ngưng.

Áp dụng cho tháng ta được 60 tháng hay là năm năm kế hoạch.

Con người là một điểm gặp gỡ của Trời Đất qua Cha Mẹ ta mà chào đời trong một năm nào đó, nên lấy năm đó làm tuổi của mình, nên ta thường nghe nói tuổi Ất Hợi, tuổi Bính Tý, . v.v...

Còn mạng thì thế nào, do đâu mà có ?

Mạng do vận mà có, vận đây là muốn nói đến chu kỳ chuyển động của năm vì sao Kim Mộc Thủy Hỏa Thổ quanh mặt trời tạo ảnh hưởng đến chúng ta, cho nên trước khi lập mạng nên biết sơ qua về vòng Trường Sinh gồm 12 sao mô tả, 12 trạng thái từ lúc phôi thai, được nuôi dưỡng trưởng thành rồi suy yếu, v.v...

Trường sinh, Mộc dục, Quan đái, Lâm quan, Đế vượng, Suy, Bệnh, Tử, Mộ, Tuyệt, Thai và Dưỡng.

Nhưng ta chỉ để ý đến 3 sao mô tả ba trạng thái thể hiện mạnh mẽ của khí ngũ hành là:

Trường sinh, Đế Vượng và Mộ

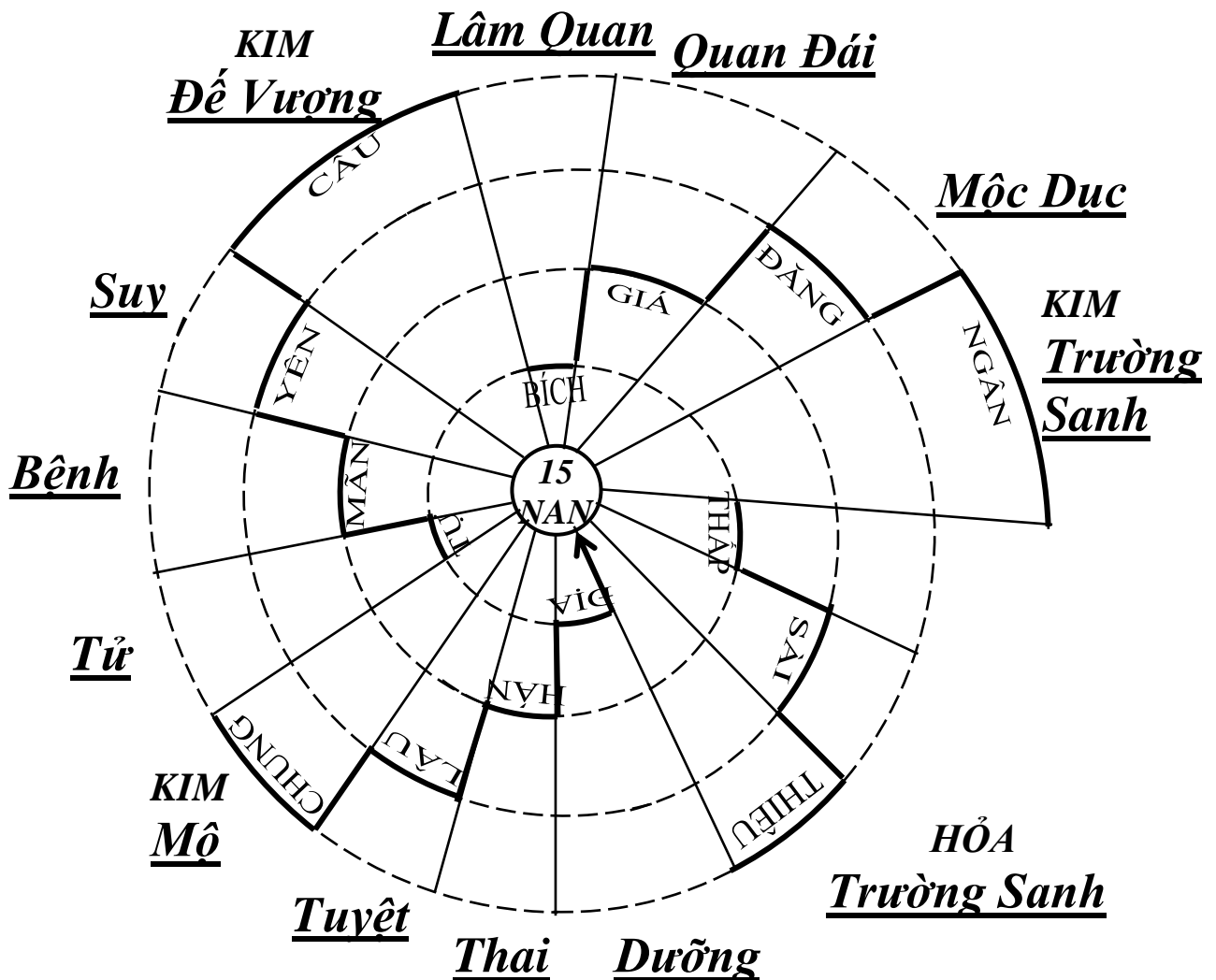
Đế Vượng

Lâm quan	Suy
Quan đái	Bệnh
Mộc dục	Tử
Trường sinh	Mộ
Dưỡng	Tuyệt
Thai	

Đem áp dụng cho một chu kỳ 30 năm (tương đương với chu kỳ sao Thổ, gọi là một thể hệ) theo lời dặn :

“Khí kim sanh xuất từ cung khôn lên phương Nam làm Hỏa, qua bên Đông làm Mộc, xuống phương Bắc làm Thủy, rồi hoá Thổ về trung ương”.

Ta biểu diễn như sau:



ĐỊNH MỆNH ĐỒ

Vận chuyển một thể hệ như vậy là 30 năm, mỗi một nan là 2 năm gồm một năm Dương và một năm Âm.

Ví dụ: chữ NGÂN gồm 2 năm là: Giáp Tý và Ất Sửu cũng chữ NGÂN mà vận chuyển lần sau là 2 năm Giáp Ngọ

và Ất Mùi, cũng đều là Kim Trường Sanh (ấn Kim) nên có khác nhưng phân biệt là Hải Trung Kim và Sa Trung Kim. Kim Vượng là Tráng Kim, Kim Mộ là Lão Kim, tương tự như vậy cho các mệnh hành khác.

Cổ đức có đặt bài thơ định mạng như vậy :

*“Tý, Ngọ : Ngân đấng giá bích cầu,
Tuất, Thìn : yên mãn tự chung lâu,
Dần, Thân : Hán địa thiêu sài tháp
Lục Giáp chi trung bất ngoại cầu.”*

Để dạy học trò nạp âm dễ nhớ, mỗi chữ đều cho ngũ hành bộ ản trong nên biết liền, thí dụ nạp âm chữ “địa” có bộ thổ ta biết là mệnh THỔ liền, tùy thế hệ trước hay sau ta có :

Con nhà Giáp Thân là Ốc Thượng Thổ

Con nhà Giáp Dần là Sa Trung Thổ.

Để phân biệt ta cũng nên thuộc lòng bài thơ sau đây để tiện dụng:

*“Hải Lư Lâm Lộ Kiếm
Sơn Giang Thành Lạp Dương
Tuyền Ốc Tích Tòng Trường
Sa Sơn Bình Bích Bạch
Phúc Hà Trạch Xoa Tang
Khê Sa Thiên Thạch Đại”*

6 câu này đi với 6 Giáp để dễ nhớ.

Thí dụ:

Giáp Tuất : SƠN GIANG THÀNH LẠP DƯƠNG

Ta nạp âm tìm mạng là : yên mãn tự chung lâu

Nghĩa là : Hỏa, Thủy, Thổ, Kim, Mộc.

Như vậy ta có :

Giáp Tuất, Ất Hợi là : Sơn Đầu Hỏa

Bính Tý, Đinh Sửu là : Giang Hạ Thủy

Mậu Dần, Kỷ Mão là : Thành Đầu Thổ

Canh Thìn, Tân Tỵ là : Bạch Lạp Kim

Nhâm Ngọ, Quý Mùi là : Dương Liễu Mộc.

Giáp Thìn, Giáp Tuất nạp âm đủ ngũ hành, nôm na gọi là Giáp lành; các Giáp khác không đủ gọi là Giáp rách, các mạng hành chế hoá có thể may vá làm kín lại được cho nên có tích Nữ Oa luyện đá vá Trời ! Chớ như gặp Giáp Thìn, Giáp Tuất, thì đã đủ ngũ hành , Trời đã giăng, đất đã bủa, làm sao lọt lưới được nữa, nên mỗi người chúng ta tự quay về mình, xét nét gọi là hồi tâm định trí vậy :

*“Lưới Đất cùng giăng khắp địa cầu
Ta nên sớm biết tự hồi đầu
Ăn năn sám hối tiêu tam nghiệp
Thực tinh tu thân chớ vọng cầu.*

Hoạ :

*Thiên La ngang dọc ở trên đầu
Chằng chịt làm thêm rối khổ nhau
Vi tính, viễn thông càng nhiệt nã,
Ai ai cũng khổ hãy thương nhau.
Thương nhau thiện sự hãy chung lo
Anh trước em sau chử dạn dò
Đạo đức chớ quên, đời hôn độn,
Rau tương dưa muối sẵn Trời cho.
Trời cho sống tạm cõi trần gian,*

*Tu tĩnh cho qua buổi khốn nàn;
 Lập đức bồi công gìn lẽ Đạo,
 Biển trần là khổ lẽ nào than, ...”*

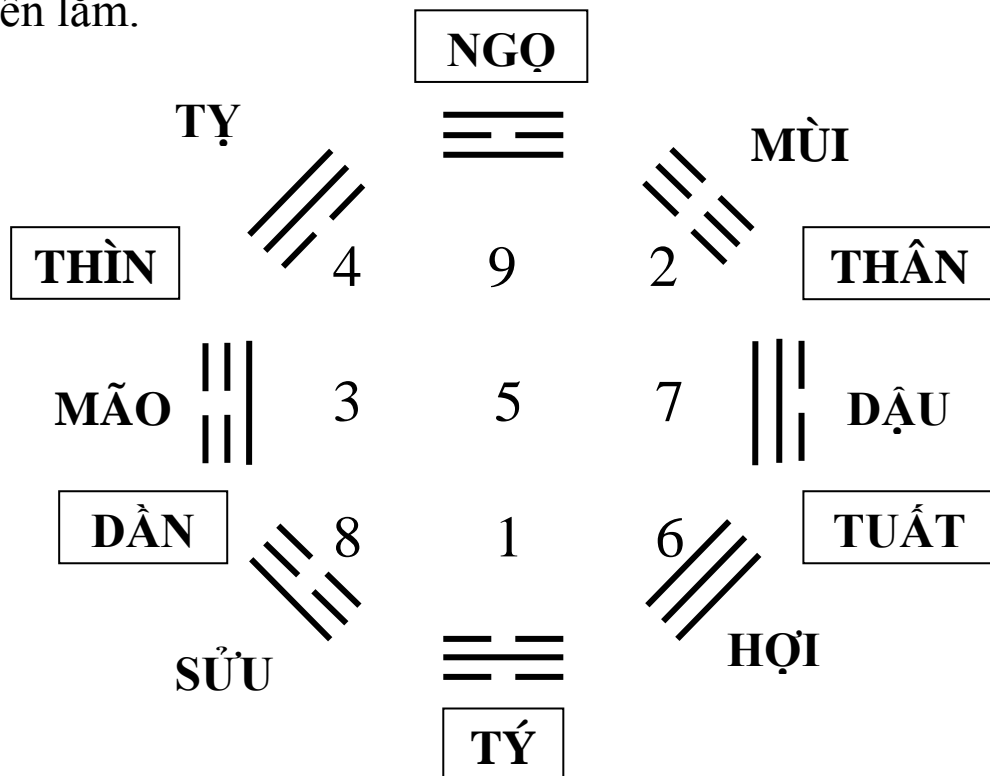
Như vậy chúng ta biết mạng của mình rõ ràng không có gì thắc mắc. Ấy là Thiên Mạng phải không các bạn ? Rồi đến cung, cung này cũng vậy là Thiên Cung ấy, ta nghe lại Kinh :

*“... Rảnh mình đâu dựng thành thơi
 Thiên Cung lữ lối chơi vui cõi trần
 Nay gặp dựng hồng ân chan rười
 Giải trái oan sạch tội tiền khiên ...”*

Ở trên lữ bước rơi xuống Đất, nhập thai làm người chơi với nơi biển khổ, nên khi sinh ra ta có 2 cung : Cung Sinh và Cung Phi, Cung Sinh chỉ xét 60 năm.

Theo Lạc-Thơ có 9 cung, còn gọi là Liên Hoa Cửu Cung của Diêu Trì Kim Mẫu quản lý :

Cung Sinh là cung ký, ký là gởi đây, vì có câu “sinh ký tử qui” nghĩa là sống gởi thác về, đừng có lộn với hàng ký gởi là phiền lắm.



Trong 6 Giáp có 5 Giáp bắt đầu khởi tính Cung Sinh tại Cung Quái ban đầu của mình chỉ riêng Giáp Tý khởi từ Cung Chấn (vì Đế Xuất hồ Chấn, tế hồ Tôn, tương kiến hồ Ly mà ...)

Cổ Đức có bài thơ như vậy :

“Giáp Tý tâm Lô (Chấn), Giáp Tuất Càn”

“Giáp Thân Khôn thượng, Giáp Dần san (Cấn)”

“Giáp Ngọ Ly cung phò thượng vị”

“Giáp Thìn tòng Tôn định kỳ chân”

Ví dụ: ta áp dụng tìm Cung Sinh các tuổi con nhà Giáp Tuất.

Giáp Tuất	: sanh cung Càn	(6)
Ất Hợi	: sanh cung Đoài	(7)
Bính Tý	: sanh cung Cấn	(8)
Đinh Sửu	: sanh cung Ly	(9)
Mậu Dần	: sanh cung Khảm	(1)
Kỷ Mão	: sanh cung Khôn	(2)
Canh Thìn	: sanh cung Chấn	(3)
Tân Tỵ	: sanh cung Tôn	(4)
Nhâm Ngọ	: sanh cung Tôn	(5) Trung cung Ly
Quý Mùi	: sanh cung Càn	(6)

Giáp Tuất và Quý Mùi sanh cùng ở một cung, vì đã giáp vòng, nên Giáp Tuất tuần Thân Dậu vong.

Tương tự các Giáp khác cũng vậy, khởi cung đầu tính thuận theo số Lạc-Thơ đến hết tuổi là giáp trùng cung ban đầu.

Trong một Giáp như vậy có tuổi nhập Trung Cung ta phải trả ngược lại gọi là phá Trung Cung như sau :

Giáp Tý : tuổi Bính Dần nhập Ngũ Trung Cung trả ngược về Cung (1) Khảm.

Giáp Tuất : tuổi Nhâm Ngọ nhập Trung Cung, trả ngược về Cung (9) Ly.

Giáp Thân : tuổi Đinh Hợi nhập Ngũ Trung Cung, trả ngược về Cung (8) Cấn.

Giáp Ngọ : tuổi Kỷ Hợi nhập Trung Cung, trả ngược về Cung (8) Cấn.

Giáp Thìn : tuổi Ất Tỵ nhập Trung Cung, trả ngược về Cung (7) Đoài.

Giáp Dần : tuổi Canh Thân nhập Trung Cung, trả ngược về Cung (2) Khôn.

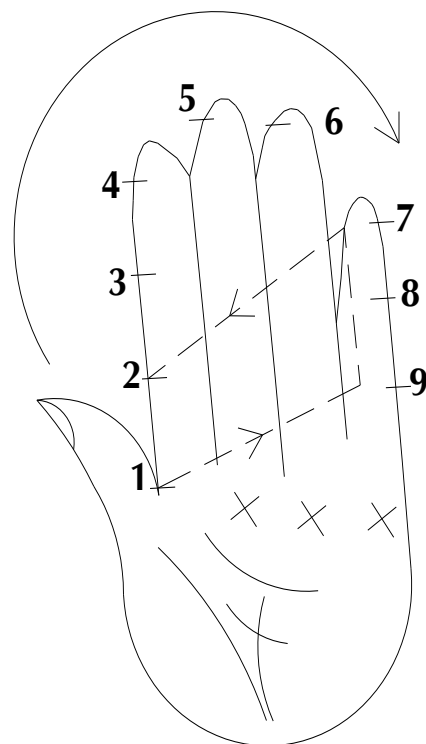
Chú ý :

Nên thuộc lòng câu sau đây để dễ tính Cung :

“Nhứt Khảm, nhì Khôn, tam Cấn, tứ Tốn, ngũ Trung Cung, lục Càn, thất Đoài, bát Cấn, cửu Ly”.

* Khởi tính thuận, tuổi nhập Trung Cung trả nghịch thứ tự cung trả 6 Giáp như sau : 1, 9, 8-8, 7, 2.

***Áp dụng Cửu cung
trên bàn tay để tính***



Về cung sanh thì nam hay nữ gì đều không phân biệt nghĩa là xem cùng một cung nếu cùng một tuổi, chỉ xét trong một Nguơn (60 năm) mà thôi.

Việc ăn ở của con người, sinh hoạt luôn diễn biến kế tục trên mặt Địa Cầu, nên cung còn được mở rộng và phân biệt thành Tam Nguơn Giác Thế. Cung Phi Bát Trạch được đặt ra để diễn tả sự tuần hoàn này vậy.

Nguyên tắc định Phi Cung Bát Trạch :

“Thượng Nguơn Giáp Tý nhứt Dân Cung”

“Trung Nguơn khởi Tốn, Hạ Đoài Thân”

“Thượng ngũ, Trung nhì, Hạ bát : Nữ”

“Nam nghịch, Nữ thuận, định kỳ chân”

Để định trí dễ hiểu, nguyên tắc định Phi Cung Bát Trạch rất tự nhiên, khởi đầu Giáp Tý ở Cung 1 Khảm, tuần tự đi nghịch thứ tự số Lạc-Thơ, Giáp trở lại Giáp Tý lần thứ 2 ở cung 4 tốn và Giáp trở lại lần thứ 3 ở cung 7 Đoài. Từ đây phân biệt được Giáp Tý Thượng Nguơn, Trung Nguơn và Hạ Nguơn.

Thí dụ: Giáp Tý (1924) là Giáp TÝ Trung Nguơn

Qua năm Giáp Tý 1984 là Giáp Tý Hạ Nguơn vậy.

Cho nên, người nam sẽ lấy cung của năm tuổi mình trong chu kỳ Tam Nguơn đây làm cung để xem gọi là Gung Phi Bát Trạch. Còn Cung Phi cho người nữ, ta chỉ cần biết Cung Phi của người nam đồng tuổi mà biến ra cho mau.

Biến ra như thế nào ? Biến ra theo qui tắc :

1 \longleftrightarrow 5 6 \longleftrightarrow 9

2 \longleftrightarrow 4 7 \longleftrightarrow 8

3 \longleftrightarrow 3

Tổng cộng 2 cung biến nhau phải 6 hay bằng 15.

Lưu ý : Khi thấy tuổi nào nhập Trung Cung thì phải tùy nam hay nữ ta có :

Nam cung Khôn

Nữ cung Cấn

Thí dụ dễ hiểu: Tìm Cung Phi Bát Trạch của tuổi Đinh-Mão, Trung Ngun, nữ ?

Ta tìm được Đinh Mão Trung Ngun, Nam là Cung 1 Khảm, biến tìm cho người nữ ấy là 5 Trung Cung.

Vậy ta phải biết người nữ ấy là Cung CẤN.

Phi Cung này được áp dụng trong việc dạy hướng nhà, hướng bếp, đường đi xem tốt xấu. v.v... Nên gọi là Cung Bát Trạch. Lại còn được để xem vợ chồng cưới gã tốt xấu nữa.

Sau khi đã lưu diễn 2 thế hệ ta định được 30 mệnh hành cho 60 tuổi.

Tập hợp các tuổi cùng một mệnh hành lại một nhà ta sẽ có 5 nhà do 5 vị Đế làm chủ, rồi tùy mỗi vị Đế mới khởi sự phân trực.

Ngũ Đế là :

Thanh Đế : làm chủ các mệnh Mộc

Xích Đế : làm chủ các mệnh Hỏa

Bạch Đế : làm chủ các mệnh Kim

Hắc Đế : làm chủ các mệnh Thủy

Hoàng Đế : làm chủ các mệnh Thổ.

Có tất cả 12 trực, thứ tự như sau :

Kiên, Trừ, Mãn, Bình, Định, Chấp, Phá, Ngụy, Thành, Thâu, Khai và Bé.

Nguyên tắc phân trực :

Trục Kiên được phân tại Mộ Địa của mệnh hành, rồi tiếp tục thuận phân theo thứ tự.

Ở chỗ này, ta nên biết qua Mộ Địa của các chỗ nào ?

Mộ địa là vị trí sao Mộ trong vòng Trường Sinh tác động lên Địa Chi. Ta phải biết :

Tý, ứng với phương Bắc : Thủy Đế Vượng

Ngọ, ứng với phương Nam : Hỏa Đế Vượng

Mão, ứng với phương Đông : Mộc Đế Vượng

Dậu, ứng với phương Tây : Kim Đế Vượng.

Từ đó, áp dụng riêng với hành THỦY ta có :

Tý: Vượng; Sửu: Suy; Dần: Bệnh; Mão: Tử; Thìn: Mộ; Ty: Tuyệt; Ngọ: Thai; Mùi: Dưỡng; Thân: Sanh; Dậu: Mộc Dục; Tuất: Quan Đái; Hợi: Lâm Quan.

Tương tự cho các hành khác, đặc biệt hành Thổ có cùng Mộ Địa với hành Thủy.

Ta có kết quả :

Kim Mộ Địa ở Sửu

Hỏa Mộ Địa ở Tuất

Mộc Mộ Địa ở Mùi

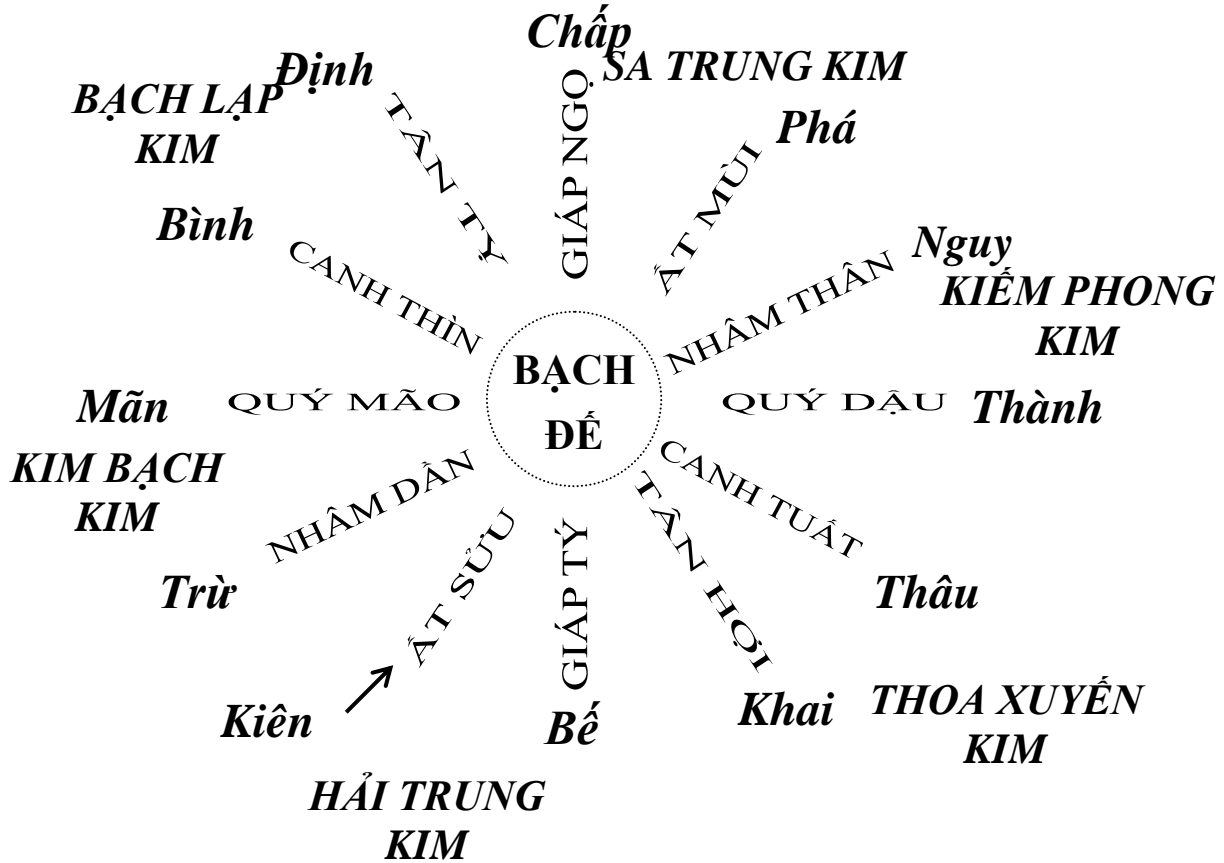
Thủy và Thổ Mộ Địa ở Thìn

Nên Thìn, Tuất, Sửu, Mùi gọi là Tứ Mộ, nôm na dễ nhớ là “*trâu vàng, chó lửa, dê gỗ, đất nước ròng.*”

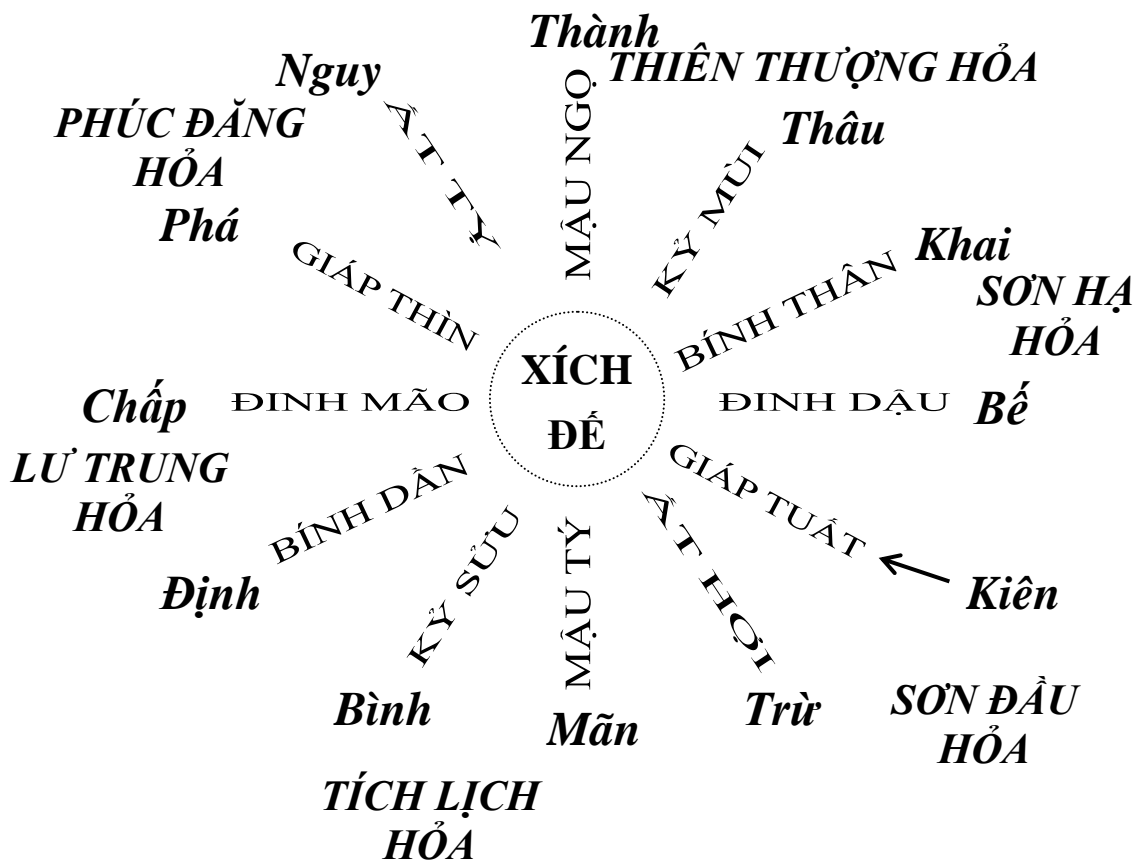
Tý, Ngọ, Mão, Dậu là tứ Vượng.

Và Dần, Thân, Ty, Hợi là tứ Sanh.

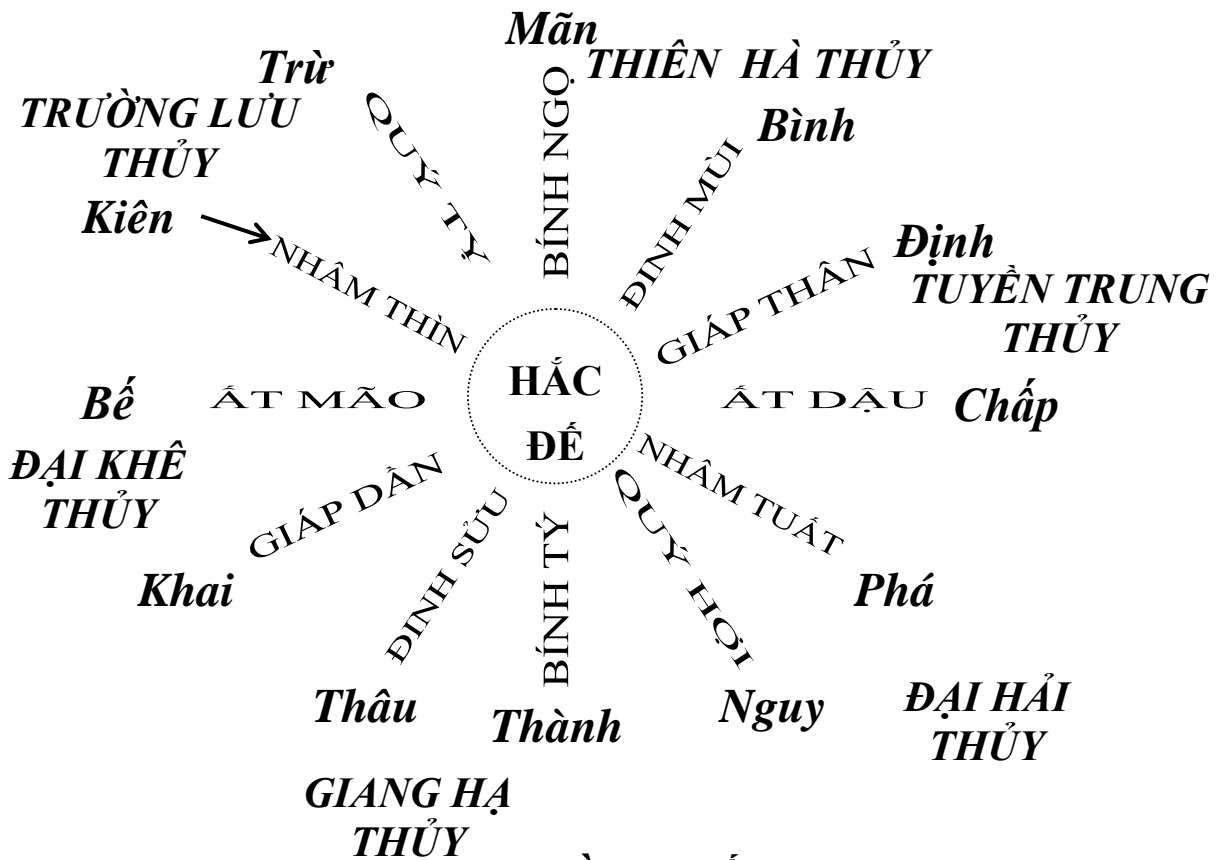
Phân Trục con nhà BẠCH ĐẾ:



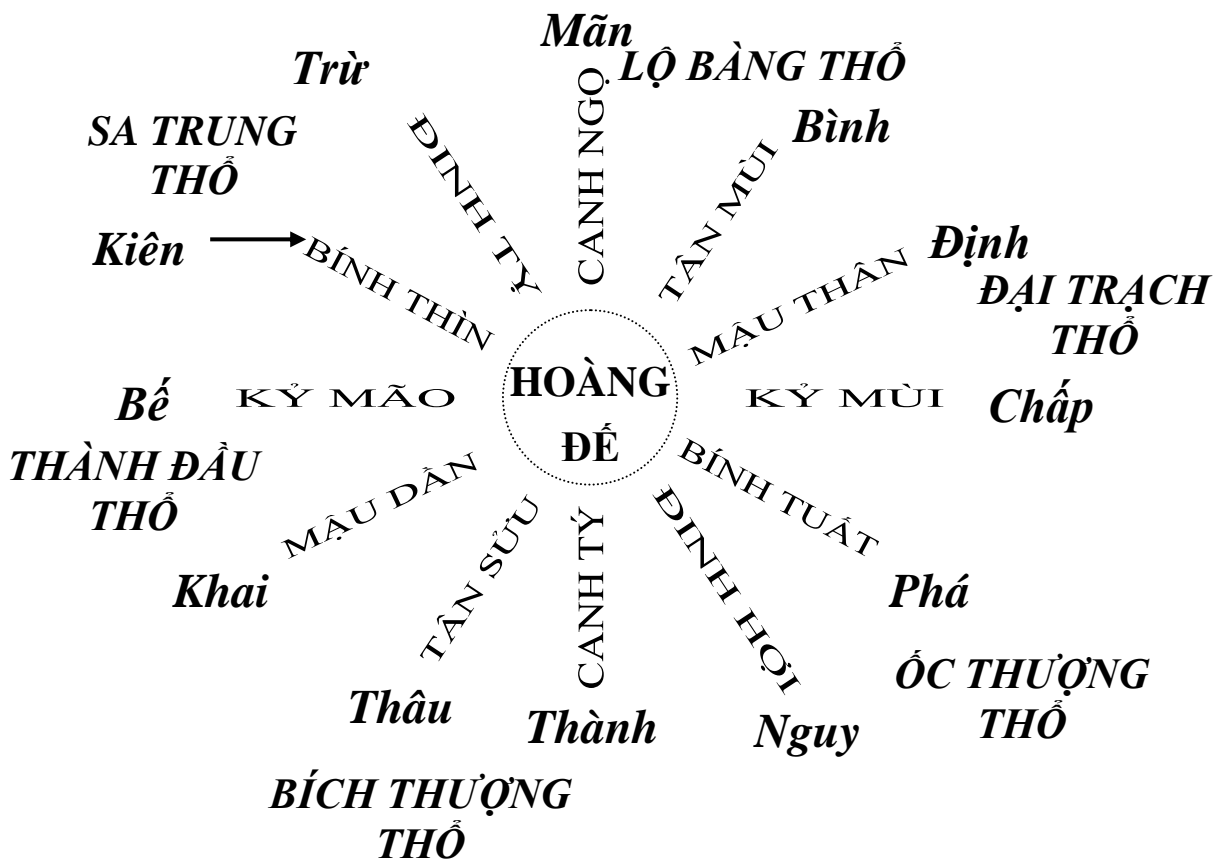
Phân Trục con nhà XÍCH ĐẾ:



Phân Trục con nhà HẮC ĐẾ:



Phân Trục con nhà HOÀNG ĐẾ:



Phân Trục con nhà THANH ĐẾ:



Như vậy với 12 Trục được phân chia rành rẽ, phận sự ai nấy lo, tương quan nhau, giúp đỡ nhau, khắc chế sanh hoá lẫn nhau tạo sự sống chung tốt đẹp gọi là :

*“Dựng đời Ngũ Đế Tam Hoàng
 Muôn nhà trăm họ vững vàng thành thoi
 Không ai thấu đáo cơ Trời
 Rồi ra kích bát lăm lời dị đoan ...”*

Đời nay ta thường nghe nói : “Chúng ta phải kiên định lập trường. V.v... “Kiên định lập trường đâu phải dễ ! vì có kiên định được lập trường của mình thì mới có thành công được vậy. Đòi hỏi đủ ngũ Kiên, ngũ Định.

Ngũ Kiên là :

Kiên Thủy : Nhâm Thìn

Kiên Mộc : Quý Mùi

Kiên Hỏa : Giáp Tuất

Kiên Thổ : Bính Thìn

Kiên Kim : Ất Sửu

Có Kiên là Kiến được ngũ hành mới định được ngũ hành.

Định ngũ hành :

Định Thủy : Giáp Thân

Định Mộc : Kỷ Hợi

Định Hỏa : Bính Dần

Định Thổ : Mậu Thân

Định Kim : Tân Ty

Định được Ngũ Hành, có nghĩa là định chỗ nào là giếng nước (Giáp Thân, Tuyền Trung Thủy); chỗ nào trồng cây (Kỷ Hợi, Bình Địa Mộc); chỗ để thờ phượng Ông Bà (Bính Dần, Lư Trung Hỏa); chỗ nào tiếp khách (Mậu Thân, Đại Trạch Thổ), v.v...

Định Ngũ Hành lâu thì Ngũ Hành thành tựu chớ gì !
Nhưng thành công nào không có sự phá hoại, nên phải chấp nhận ngũ PHÁ :

Phá Thổ : Bính Tuất, Ốc Thượng Thổ

Phá Kim : Ất Mùi, Sa Trung Kim

Phá Thủy : Nhâm Tuất, Đại Hải Thủy

Phá Mộc : Quý Sửu, Tang Đố Mộc

Phá Hỏa : Giáp Thìn, Phúc Đăng Hỏa

Ngũ Phá, tác động lên ngũ Cháp gọi là Phá Cháp để đổi mới tư duy, thấy xa biết rộng, hiểu được lẽ Trời-Đất trong lòng người, thuận được nhân tâm thì ắt là thành công tốt đẹp vậy.

*** TRỰC CÒN LẠI LỆ THUỘC NGŨ HÀNH NHƯ SAU :**

Trực KHAI, THÀNH, BẾ thuộc KIM

Trực TRỪ, ĐỊNH thuộc MỘC

Trực THÂU, BÌNH, NGUY thuộc THỦY

Trực CHÁP, PHÁ thuộc HỎA

Trực KIÊN MÃN thuộc THỔ.

Có thơ như vậy :

“Khai, Thành, Bế Kim

Trừ, Định Mộc tìm

Thâu, Bình, Nguy Thủy

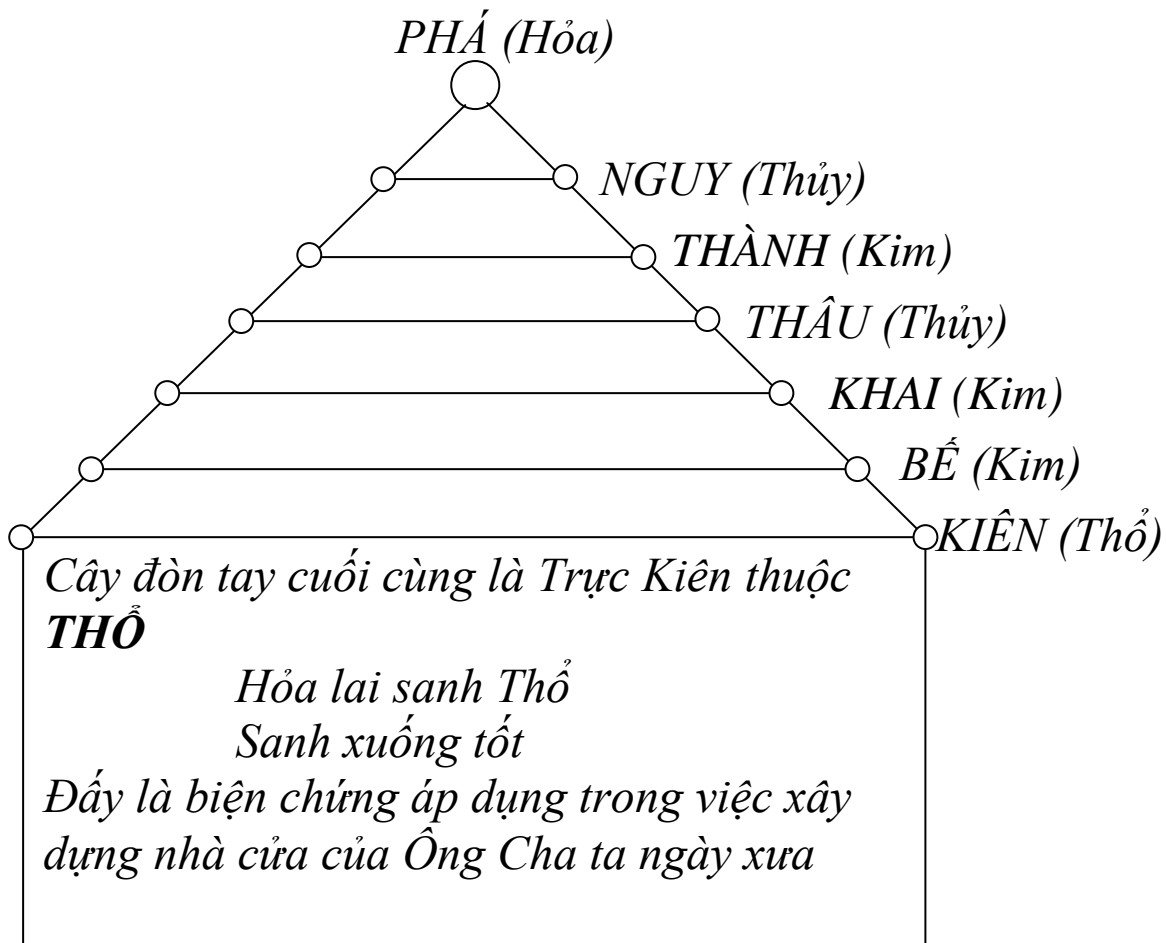
Cháp, Phá Hỏa

Kiên, Mãn Thổ”

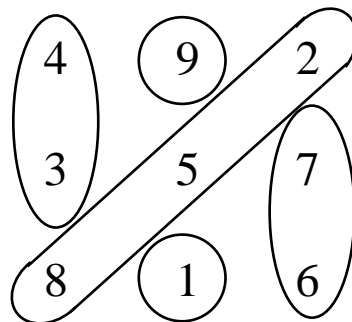
* Một ứng dụng về Trực trong việc cất nhà

Người đứng ra cất cái nhà của mình thì cây đòn dông mang Trực của tuổi mình, rồi từ đó tính tiếp các cây đòn tay, cây đòn tay cuối cùng không được khắc cây đòn dông chủ.

Thí dụ người cất nhà Trực PHÁ chẳng hạn, chọn 6 cây đòn tay mà thả.



BÁT QUÁI SƠN HƯỚNG



Nhứt Khảm, nhì Khôn, tam Chấn, tứ Tốn
 Ngũ Trung Cung thuộc Thổ Thần
 Lục Càn, thất Đoài, bát Cấn, cửu Ly
 Khảm làm Nước, Ly làm Lửa

Chấn, Tốn làm Mộc
Càn, Đoài làm Kim
Cấn, Khôn làm Thổ vậy.

Định lý về 7 biến của một cung Bát Trạch

Nhứt biến thượng Sanh Khí
Nhị biến trung Giao Chiến (Ngũ Quỷ)
Tam biến hạ Phước Đức (Diên Niên)
Tứ biến trung Du Hồn (Lục Sát)
Ngũ biến thượng Tuyệt Thế (Hoạ Hại)
Lục biến trung Thiên Y
Thất biến hạ Tuyệt Mạng
Bát biến trung Qui Hồn (Phục Vị)
(Khỏi chứng minh)

Cho một thí dụ : 6, cung Càn (☰)

- Nhứt biến thượng thành cung (☱) 7 Đoài thì được Sanh Khí, nghĩa là người cung Càn lấy người cung Đoài (xem cưới vợ gả chồng) thì được Sanh Khí chẳng hạn; hay là người cung Càn cất nhà quay hướng về cung Đoài (hướng Tây) thì được Sanh Khí chẳng hạn, nghĩa là có sức sống.

- Nhị biến trung thành cung (☲) 3 Chấn thì Giao Chiến, không tốt, dễ kinh lộn : thứ hạng.

- Tam biến hạ thành cung (☷) 2 Khôn thì được Phước Đức, Diên Niên tốt.

- Tứ biến trung thành cung (☴) 1 Khảm là Du Hồn, Lục Sát : hung; Du Hồn nghĩa là bắt hồn phải lang thang tội nghiệp.

- Ngũ biến thượng thành (☵) 4 Tốn là Tuyệt Thế hay Hoạ Hại cũng hung.

- Lục biến trung thành (☱☱) 8 Cấn được Thiên Y thì tốt vậy.

- Thất biến hạ thành (☱☲) 9 Ly là Tuyệt Mạng đại hung không nên liêu mạng.

- Bát biến trung thành (☱☱☱) 6 Càn trở lại cung của mình là Qui Hôn, hay Phục Vị cũng được.

Áp dụng định lý trên cho các cung khác còn lại ta được hệ quả như sau :

Các cung Khảm, Ly, Chấn, Tốn, tương quan với nhau được kiết, nếu tương quan với các cung khác thì hung. Ngược lại, các cung Khôn, Cấn, Càn, Đoài tương quan với nhau được kiết, nếu tương quan với các cung khác thì chia làm 2 phe Đông và Tây mạng.

Đông mạng : Khảm, Ly, Chấn, Tốn

Tây mạng : Khôn, Cấn, Càn, Đoài

Có thơ lưu ý rằng :

*“Ngũ Quỷ, Tuyệt Mạng hướng chẳng hiền
Xây dựng gia đình phải đảo điên
Vợ chồng gặp nhau ghê quá dữ
Có phước khỏi chết, ở chẳng yên”*

Nói về dựng vợ gả chồng, cất nhà xem hướng thường phải dùng đến Cung Phi Bát Trạch. Còn như kết bạn làm ăn thì phải xem đến Cung Lữ Tài (bạn bè và tiền bạc). Khô nổi, cưới vợ gả chồng ăn ở với nhau cũng coi như bạn đời làm ăn chung, ở chung sanh con đẻ cái nên phải xem cả 2 cung Bát Trạch và Lữ Tài vậy.

*** CUNG BÁT TỰ LỮ TÀI LÀ THẾ NÀO ?**

Về nữ : không thay đổi, cung Bát Trạch là cung Bát Tự vậy.

Về Nam : thì từ cung Bát Trạch của mình tính thuận theo số Lạc-Thơ 6 cung, lấy cung đấy làm Bát Tự Lữ Tài.

Thí dụ :

Nam, tuổi Giáp Tuất (1934), Cung Phi Bát Trạch là 3 Chấn, thuận theo Lạc-Thơ 6 cung đến cung 9 Ly. Vậy tuổi Giáp Tuất, người nam, cung Lữ Tài là Ly vậy. Còn nữ tuổi Giáp Tuất thì Bát Trạch hay Bát Tự cũng đều là 3 Chấn.

*** ĐỊNH LÝ 7 BIẾN VỀ BÁT TỰ LỮ TÀI (khỏi chứng minh)**

“Nhứt Khí, nhì Y, tam Thê, tứ Du

Ngũ Quý, lục Đức, thất Mạng, bát Quý”

Thí dụ dễ hiểu :

Cung Lữ Tài 6 Càn

Nhứt biến thượng thành 7 Đoài : Sanh Khí

Nhì biến trung thành 3 Chấn : Thiên Y

Tam biến hạ thành 2 Khôn : Tuyệt Thê

Tứ biến trung thành 1 Khảm : Du Hôn.

Ngũ biến thượng thành 4 Tốn : Ngũ Quý, Giao Chiến

Lục biến trung thành 8 Cấn : Phước Đức.

Thất biến hạ thành 9 Ly : Tuyệt Mạng .

Bát biến trung thành 6 Càn : Qui Hôn.

Lưu ý : Cung Lữ Tài so với cung Lữ Tài

Cung Bát Trạch so với cung Bát Trạch

2 cung đều tốt thì quá tốt, 2 cung đều hung thì chừa vậy ! Tuy nhiên đời có tốt có xấu nên thường được cung này mất cung kia, châm chế tu sửa lẫn nhau cũng thành cũng nên.

Đến đây ta tự tìm hiểu mỗi người chúng ta, bị đặt để một bản mạng, phân cho một Tự, ở một Cung.

Thí dụ : Tuổi Ất Mùi

Mệnh Sa Trung Kim (con nhà Bạch Đê)

Trực Phá

Sanh cung Khảm

Nam phi Cung Ly, Lữ Tài : Càn

Nữ phi Cung Càn, Lữ Tài : Càn.

Biết như vậy cũng lý thú, Cổ Đức trù liệu trong Cửu Cung nhơn sự, ăn ở mỗi người để tự biết mình thuận mạng, hạp với lẽ Trời Đất rất đáng kính trọng vậy thay.!

* * *

Chúng ta tạm kết thúc phần tìm hiểu ở đây vậy./.

Thiện Ngộ

Thánh Đường Tuy Hòa, năm Giáp Tuất (1994)